

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG QUÂN

**TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐỂ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG QUÂN

**TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐỂ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. TRẦN HỮU TRÁNG**

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẸ	9
1.1. Một số vấn đề lí luận về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.....	9
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ	20
1.3. Quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong pháp luật hình sự của một số quốc gia	26
Chương 2: ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẸ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	32
2.1. Định tội danh tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.....	32
2.2. Quyết định hình phạt.....	43
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẸ	52
3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.....	52
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật.....	53
KẾT LUẬN	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	62

DANG MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐXX	Hội đồng xét xử
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TAQS	Tòa án quân sự
TTHS	Tố tụng hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1. Số vụ án giết con mới đẻ với các vụ án khác trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng con người trong thời gian 05 năm (2012-2016) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	1
Biểu 2.1. So sánh tương quan giữa tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với một số tội phạm liên quan đến tính mạng, sức khỏe.....	1
Bảng 2.2: Về hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo bị đưa ra xét xử từ năm 2012 đến năm 2016	2

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dân tộc ta có truyền thống tốt đẹp là kính già, yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ. Từ nhiều đời nay ông cha ta luôn coi trọng việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, với nhận thức trách nhiệm về thế hệ tương lai của đất nước. Trẻ em luôn được dành sự quan tâm hàng đầu trong hầu hết các chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Với tinh thần đó, Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều điều ước quốc tế có liên quan đến việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Cùng với việc nội luật hóa các Điều ước quốc tế, cam kết quốc tế, Việt Nam là một trong những quốc gia tích cực ban hành các chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Những hành vi xâm hại trẻ em đều bị lên án và trừng trị nghiêm khắc. Việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em được thể hiện trong tinh thần của nhiều văn bản pháp luật như Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự (BLDS), Bộ luật Lao động (BLLĐ), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình... đặc biệt Bộ luật Hình sự (BLHS) có quy định nhiều tội danh mà đối tượng bị xâm phạm là trẻ em, trong đó có quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Tội phạm giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong những năm trở lại đây đã và đang diễn biến hết sức phức tạp, ngày càng có chiều hướng gia tăng trong phạm vi cả nước cũng như trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đã có nhiều vụ người mẹ vứt bỏ hoặc giết đứa con vừa mới sinh khiến dư luận không khỏi bàng hoàng, đau xót. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hành động bị xã hội lên án như vậy, có thể do nhẹ dạ, cả tin của những cô gái nông thôn, những người con gái ở tỉnh lẻ đến thành phố mưu sinh; do tư tưởng lạc hậu; do túng quẫn; do bị lừa dối; trầm cảm; thù hận... hậu quả của nó đều ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của trẻ. Tuy nhiên, dù có là nguyên nhân nào đi chăng nữa, hành động giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ cần phải được lên án và trừng trị thích đáng.

Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua là địa bàn gây xôn xao dư luận với những vụ việc giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ như trường hợp sản phụ Nguyễn Thị Uyên T. (sinh năm 1994, quê ở Ninh Thuận, sinh viên một trường đại học tại TP.HCM) đã có hành vi bóp mũi, vứt con mới đẻ trong nhà vệ sinh hoặc trường hợp của sản phụ Hồ Thị L (16 tuổi) làm tại một công ty may ở TP.HCM có thai ngoài ý muốn, L đã tự sinh trong phòng trọ rồi vứt con vào thùng rác.... Những năm vừa qua, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử nhiều vụ án về tội giết con mới đẻ, tuy nhiên, số vụ được đưa ra xét xử so với số vụ việc thực tế diễn ra vẫn còn thấp, hình phạt đối với người phạm tội chưa đủ tính răn đe, phòng ngừa, việc định tội danh còn chưa phù hợp với hành vi phạm tội, như trường hợp bị cáo thực hiện hành vi vứt bỏ con mới đẻ nhưng lại bị định tội danh là giết con mới đẻ và trong một số trường hợp, người tiến hành tố tụng còn có quan điểm khác nhau về việc định tội danh và quyết định hình phạt. Do đó, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh sẽ làm sáng tỏ thêm về mặt khoa học, đồng thời giúp cho việc đưa ra giải pháp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Với những phân tích nêu trên, tác giả chọn đề tài ***“Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”*** làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay có một số công trình nghiên cứu liên quan đến ***“Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong luật Hình sự Việt Nam”***, tuy nhiên, những công trình nghiên cứu này chủ yếu đề cập đến những vấn đề mang tính chất lý luận khái quát của tội giết con mới đẻ và được trình bày cũng với những lý luận

khác của luật hình sự dưới dạng tài liệu tham khảo, giáo trình, bình luận khoa học như: *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật Hình sự*, của PGS.TSKH. Lê Cẩm, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2005; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, do GS.TSKH. Lê Cẩm (chủ biên), tái bản 2007; *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, tập 1*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản tư pháp, năm 2014; *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, do TS.Phạm Mạnh Hùng (chủ biên), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016...

Một công trình nghiên cứu cũng có liên quan ít nhiều đến đề tài là luận án tiến sĩ luật học “*Hoạt động của lực lượng cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội phạm bạo lực gia đình ở Việt Nam*” của tác giả Phạm Minh Chiêu, bảo vệ năm 2013 tại Học viện Cảnh sát nhân dân. Luận án tập trung nghiên cứu nhóm tội phạm về bạo lực gia đình được quy định trong BLHS, gồm các tội danh cụ thể như tội giết người; tội giết con mới đẻ; tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; tội ngược đãi, hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng; tội hiếp dâm; tội hiếp dâm trẻ em được giới hạn trong phạm vi mối quan hệ giữa các chủ thể của tội phạm với nạn nhân là thành viên trong gia đình. Trên cơ sở làm rõ tình hình tội phạm bạo lực gia đình và hoạt động phòng ngừa của lực lượng Cảnh sát nhân dân, tác giả đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội phạm về bạo lực gia đình.

Đặc biệt, năm 2015, tác giả Đoàn Thị Vân đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ luật với đề tài “*Tội giết con mới đẻ trong Luật hình sự Việt Nam*” tại Khoa Luật, trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã nghiên cứu về những vấn đề chung về tội giết con mới đẻ theo quy định của BLHS 1999 và thực trạng áp dụng pháp luật hình sự đối với tội giết con mới đẻ trên phạm vi

cả nước, từ đó, luận văn kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự và kiến nghị khác nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội giết con mới đẻ. Luận văn là công trình nghiên cứu từ góc độ chung và quá trình áp dụng pháp luật đối với tội giết con mới đẻ trên phạm vi cả nước nên sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho tác giả khi vận dụng để nghiên cứu lí luận về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, luận văn của tác giả Đoàn Thị Vân chưa có những nghiên cứu so sánh giữa quy định về tội giết con mới đẻ trong BLHS 1999 với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong BLHS 2015. Đây cũng là điểm mà tác giả sẽ thực hiện trong công trình nghiên cứu của mình. Ngoài ra, những giải pháp được tác giả kiến nghị trong công trình nghiên cứu của mình ngoài mục đích phục vụ công cuộc đấu tranh phòng, chống tội giết người trên địa bàn cả nước nói chung, còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vì những nghiên cứu gắn với thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu dưới dạng bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành hay các công trình nghiên cứu khoa học là các khóa luận tốt nghiệp cũng đề cập đến một số khía cạnh của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ như: Phạm Văn Báu, *Tội giết con mới đẻ trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học/ Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 2/2000; Trần Minh Hường, *Bàn về dấu hiệu cấu thành tội “Giết con mới đẻ” theo Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999 và một số vấn đề cần lưu ý khi định tội danh*, Kiểm sát, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Số 22/2010; Thạc sĩ Đặng Thi Thu Hiền, *Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng tội giết con mới đẻ trong bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề 07/2010; Đặng Thị Hồng Thắm, *Tội giết con mới đẻ trong Bộ luật Hình sự Việt Nam: Khóa luận tốt nghiệp*, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2011; Đặng Thu Hiền, Đặng Trần

Hùng, *Một số nhận thức lý luận về tội giết người hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong Bộ luật Hình sự năm 2015/ Tòa án nhân dân số 18/2016*; Bùi Quang Thạch, Chính sách khoan hồng đối với phụ nữ phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Kiểm sát, số 9/2002, tr. 7.

Các công trình nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp và bài báo nói trên đã đề cập đến tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ ở khía cạnh tổng quát, đặt tội này trong tổng thể các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Bên cạnh đó những vấn đề thực tiễn cùng những giải pháp kiến nghị dừng lại ở mức độ khá chung chung và chưa đi sâu phân tích và nghiên cứu thực tiễn ở một địa phương cụ thể để đánh giá việc áp dụng pháp luật về loại tội này. Vì vậy tác giả chọn đề tài “*Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*”, làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sỹ của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu:

Mục đích nghiên cứu của luận văn là hướng đến việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, từ đó nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật hình sự nói chung và các quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ nói riêng.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để đạt được mục đích nêu trên, trong quá trình nghiên cứu, đề tài cần thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật Hình sự Việt Nam về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

- Nghiên cứu, phân tích thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, từ đó làm rõ những vướng mắc,

khó khăn trong việc áp dụng các quy định này từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

- Đề xuất một số giải pháp đảm bảo áp dụng đúng pháp luật về tội giết hoặc vút bỏ con mới đẻ.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

Bộ Luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành và đã được sửa đổi, bổ sung. Dự kiến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự năm 2015 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Do đó, Luận văn tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận về tội giết hoặc vút bỏ con mới đẻ theo Bộ Luật hình sự Việt Nam hiện hành có so sánh với BLHS 2015, đồng thời tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật quy định về tội giết hoặc vút bỏ con mới đẻ tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến nay.

Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn được nghiên cứu trong phạm vi tội giết hoặc vút bỏ con mới đẻ dưới góc độ Luật hình sự và tố tụng hình sự gắn với thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh. Các số liệu thu thập được từ Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến 2016.

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội giết hoặc vút bỏ con mới đẻ, luận văn cũng chỉ giới hạn nghiên cứu hai nội dung cơ bản của áp dụng pháp luật hình sự đối với tội giết hoặc vút bỏ con mới đẻ là định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết hoặc vút bỏ con mới đẻ.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận:

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan

điểm của Đảng, Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu:

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, quy nạp, diễn dịch... để tổng hợp các tài liệu liên quan đến tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, từ đó làm rõ một số vấn đề lý luận về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ; làm rõ lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, đồng thời phân tích, đánh giá thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt thông qua một số vụ án cụ thể về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để làm rõ các vấn đề cần nghiên cứu trong Luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về lý luận: Luận văn góp phần làm phong phú thêm lý luận của luật hình sự nói chung và lý luận về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ nói riêng, đồng thời, góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ. Ngoài ra, Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu học tập và nghiên cứu.

Về thực tiễn áp dụng: Kết quả nghiên cứu trong Luận văn là tài liệu tham khảo hữu ích góp phần nâng cao hiệu quả xử lý các vụ án hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, đồng thời làm cơ sở để trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật liên quan đến tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong Bộ Luật hình sự, Bộ Luật tố tụng Hình sự Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ;

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Áp dụng pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẼ

1.1. Một số vấn đề lý luận về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

1.1.1.1. Khái niệm tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

Từ trước tới nay, quyền sống là một trong những quyền cơ bản của con người và đã được ghi nhận trong nhiều văn kiện pháp lý quan trọng của quốc tế, của các quốc gia khác nhau và của nước ta như: Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc năm 1966; Công ước quốc tế về quyền trẻ em của Liên hợp quốc năm 1989; Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776; Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam 1945... Tại Điều 3 của bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 khẳng định: *“Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân”*. Trong bản *“Tuyên ngôn Độc lập”* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình lịch sử ngày 02/9/1945 không những đã kế thừa tinh hoa về quyền con người trên thế giới mà còn phát triển những tư tưởng ấy lên một tầm cao mới bằng việc nhắc lại những luận điểm bất hủ trong bản *“Tuyên ngôn độc lập”* của nước Mỹ và *“Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền”* của Pháp. Người khẳng định: *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”*

Hiến Pháp Việt Nam mới nhất năm 2013, Điều 19 đã quy định *“mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật”*. Ngoài ra, Điều 14 Hiến pháp 2013 cũng quy

định "*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*". Có thể nói quy định về quyền sống trong Hiến pháp 2013 là một quy định hết sức tiên bộ, khẳng định giá trị nhân văn của bản Hiến pháp nói chung cũng như sự xác lập quyền làm chủ của nhân dân đối với xã hội, nhân dân là chủ thể quyền lực tối cao. Đồng thời việc xác lập quyền sống còn khẳng định rằng Việt Nam luôn thực hiện một cách nghiêm túc và đầy đủ các cam kết quốc tế về nhân quyền đối với Liên Hiệp Quốc, thực hiện một cách nghiêm chỉnh các điều ước quốc tế về nhân quyền mà mình là thành viên.

Trẻ em là tương lai của nhân loại, của thế giới, của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng và mỗi gia đình. Tại Việt Nam, các hành vi xâm hại trẻ em (trong đó có hành vi vứt hoặc giết con mới đẻ) đều bị lên án và trừng trị nghiêm khắc. Điều này đã được cụ thể hóa trong BLHS quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Trước khi đưa ra được khái niệm về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, cần xuất phát từ cái chung nhất đó là khái niệm tội phạm. Theo quy định tại Điều 8 BLHS năm 1999 "*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.*" [9, Tr. 51].

Khái niệm tội phạm là một trong những khái niệm cơ bản nhất của pháp luật hình sự, có ý nghĩa là cơ sở thống nhất cho việc xác định những tội phạm cụ thể trong phân các tội phạm cụ thể của BLHS.

Đối với tội giết con đẻ được quy định tại Điều 94 BLHS năm 1999 (nay là tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ được quy định tại Điều 124 BLHS năm 2015) bao gồm hai dạng hành vi:

Thứ nhất: Hành vi giết con mới đẻ. Ở dạng hành vi này, người mẹ có thể thực hiện hành vi dưới hai dạng hành động hoặc không hành động. Hành vi giết con mới đẻ thực hiện bằng hành động như bóp cổ, thắt cổ, dìm xuống nước, đâm chết... Hành vi phạm tội được thực hiện bằng không hành động, như không cho con bú sữa dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết.

Thứ hai: Hành vi vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến đứa trẻ chết. Ở dạng hành vi này người mẹ không nhẫn tâm tự tay giết đứa con mình đứt ruột đẻ ra nên đã vứt bỏ con ở những nơi như: bệnh viện, công cô nhi viện, nhà chùa... dẫn đến đứa trẻ chết do bị đói, rét hoặc côn trùng, súc vật ăn thịt... Ở dạng hành vi phạm tội này, tội phạm hoàn thành khi có hậu quả chết người và lỗi của người phạm tội thường là lỗi cố ý gián tiếp.

Chủ thể của hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ phải là người mẹ đang còn trong trạng thái mới sinh con, nghĩa là đang trong trạng thái tâm, sinh lý không bình thường do tác động của việc sinh con. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, khoảng thời gian mà người mẹ được coi là còn trong trạng thái mới sinh con là khoảng thời gian ” *đứa trẻ mới sinh ra trong bảy ngày trở lại*”.

Như vậy, từ các quy định về tội phạm và đặc điểm của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, có thể định nghĩa tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ như sau:

“Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người mẹ sinh ra đứa trẻ bị ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc

trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt đã thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng đứa con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi hoặc vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết”.

1.1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

Phân tích quy định về tội giết con mới đẻ tại Điều 94 BLHS năm 1999 và tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ tại Điều 124 BLHS năm 2015 cho thấy, các dấu hiệu pháp lý của tội này như sau:

Thứ nhất, Về khách thể của tội phạm

“*Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ bị tội phạm xâm hại*” [16, tr. 86]. Như vậy, khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại, nhưng không phải mọi quan hệ xã hội bị xâm hại đều là khách thể của tội phạm. Theo luật hình sự Việt Nam, những quan hệ xã hội được coi là khách thể bảo vệ của luật hình sự là những quan hệ xã hội được xác định trong Điều 8 BLHS năm 1999. Hành vi bị coi là tội phạm theo luật hình sự Việt Nam là hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho một trong những quan hệ xã hội đã được xác định đó.

Đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, khách thể loại là quyền sống, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, khách thể trực tiếp là quyền sống, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe của đứa trẻ cụ thể. Hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là hành vi của người mẹ mới đẻ con ra, vì lý do nào đó đã làm cho con mình bị chết hoặc vứt bỏ đứa trẻ dẫn đến đứa trẻ chết.

Như vậy, tội phạm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sống của con người. Ngoài ra, tội phạm còn xâm phạm nghiêm trọng đạo đức xã hội (tình mẫu tử), xâm phạm Công ước về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn tham gia.

Thứ hai, mặt khách quan của tội phạm

“Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm bao gồm những biểu hiện tội phạm diễn ra hoặc tồn tại trong thế giới khách quan [16, tr. 99].

Bất cứ tội phạm nào khi xảy ra cũng đều có những biểu hiện ra hoặc tồn tại bên ngoài mà con người có thể nhận biết được, đó là hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội; hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; các điều kiện bên ngoài của việc thực hiện hành vi phạm tội (Công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian, địa điểm...)

Đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, mặt khách quan của tội phạm được thể hiện bao gồm:

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội: người mẹ có thể thực hiện bằng hành động như bóp cổ, thắt cổ, đâm, chém, chôn đứa trẻ... hoặc có thể được thực hiện bằng không hành động như không cho bú sữa, không cho uống thuốc (khi đứa trẻ ốm mà cần phải được uống thuốc). Con mới đẻ trong trường hợp này là đứa trẻ do chính người mẹ (người có hành vi nguy hiểm cho xã hội) sinh ra trong vòng 07 ngày. Nếu quá thời gian trên thì không còn thuộc nội hàm của khái niệm “con mới đẻ” theo quy định của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

- Hậu quả nguy hiểm cho xã hội: việc xác định hậu quả nguy hiểm cho xã hội có ý nghĩa rất quan trọng trong định tội danh và quyết định hình phạt, đặc biệt khi tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là tội có cấu thành vật chất.

Trong Điều 94 BLHS năm 1999, nhà làm luật đã quy định “gộp” hai hành vi “*giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết...*”, theo quy định này, hậu quả trong cấu thành tội phạm của hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (theo BLHS năm 1999) là có thiệt hại về tính mạng (đứa trẻ chết). Tuy nhiên, cách hiểu này là chưa chính xác. Đối với hành vi giết con mới đẻ

thì do thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nên kể cả khi hậu quả chết người chưa xảy ra, người phạm tội vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết con mới đẻ ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Chỉ đối với hành vi vứt bỏ con mới đẻ thì mới đòi hỏi có hậu quả chết người xảy ra thì mới thỏa mãn hành vi này. Tuy nhiên, tên của Điều 94 BLHS chỉ là tội giết con mới đẻ nên cho dù người phạm tội có hành vi giết con mới đẻ hay hành vi vứt bỏ con mới đẻ thì đều bị xử tội giết con mới đẻ.

BLHS năm 2015 đã tách biệt hai CTTP của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ tại Điều 124, cụ thể:

“Khoản 1: Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khoản 2: Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.

Như vậy, có thể thấy, trong BLHS năm 2015, quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ đã khắc phục được một số hạn chế trong quy định về tội giết con mới đẻ trong BLHS 1999. Tuy nhiên, BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành.

Thứ ba, mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội và bao gồm: lỗi, động cơ và mục đích phạm tội [16, tr.200]

Lỗi là thái độ tâm lý của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý [16, tr. 201].

Theo quy định của Điều 94 BLHS 1999, hiện nay hai dạng hành vi “giết con mới đẻ” và “vứt bỏ con mới đẻ” là chưa có sự phân biệt rõ ràng. Tuy nhiên, các quan điểm cả lí luận và thực tiễn đều cho rằng, hành vi giết con mới đẻ thường do lỗi cố ý trực tiếp và chỉ trong trường hợp cá biệt mới có lỗi cố ý gián tiếp, trong khi hành vi vứt bỏ con mới đẻ luôn là hành vi với lỗi cố ý gián tiếp. Do vậy, trường hợp hành vi giết con mới đẻ nếu hậu quả đưa trẻ chết thì lỗi của người phạm tội dù cố ý trực tiếp hay cố ý gián tiếp đều không ảnh hưởng đến việc định tội danh. Trường hợp đưa trẻ không chết, nếu là lỗi cố ý trực tiếp thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết con mới đẻ ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Nếu là lỗi cố ý gián tiếp thì hậu quả đến đâu xử lí đến đấy.

Đối với trường hợp “vứt bỏ con mới đẻ” thì lỗi đối với dạng hành vi này luôn là lỗi cố ý gián tiếp, do đó hành vi chỉ cấu thành tội phạm khi có hậu quả đưa trẻ chết. Nếu không có hậu quả đưa trẻ chết thì không bị coi là có tội và cũng không bị coi là phạm tội chưa đạt. [1, tr. 10]

Hiện nay quy định mới trong BLHS 2015 về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ đã khắc phục hạn chế trong quy định này của BLHS 1999 là đã làm rõ được vấn đề trên.

Thử tư, chủ thể của tội phạm

Tội phạm là hành vi của con người có tính nguy hiểm cho xã hội, chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng có năng lực TNHS và đạt độ tuổi do luật hình sự quy định [16, tr. 189]

Căn cứ vào Điều 94 BLHS năm 1999 và Điều 124 BLHS năm 2015, tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ có khung hình phạt cao nhất là phạt tù đến 3 năm, vậy đó là tội ít nghiêm trọng. Chủ thể thực hiện hành vi này phải từ đủ 16 tuổi trở lên. Hơn nữa, theo quy định của điều luật, chủ thể tội này phải là chủ thể

đặc biệt, tức là ngoài dấu hiệu thông thường về độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự thì còn đòi hỏi người đó phải có hai dấu hiệu:

- Là mẹ của đứa trẻ (nạn nhân) mới sinh trong vòng 7 ngày tuổi;

- Là người do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc ở trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì được coi là chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu, như: *“Khiếp sợ trước dư luận chê bai về việc mang thai và đẻ con ngoài giá thú hoặc trước dư luận khắc nghiệt của nhà chồng cho đẻ con gái là tai họa ...”*[4]

Người mẹ được hiểu là nữ giới, là người sinh ra đứa trẻ và đang còn trong trạng thái, tâm lý không bình thường do tác động của việc sinh con. Trong thời gian này, phụ nữ sau sinh có thể mắc một bệnh được gọi là “loạn thần sau sinh”. Những triệu chứng thường bắt đầu vào cuối tuần thứ nhất (sau 7 ngày), đôi khi vào tuần thứ hai sau sinh nhưng ít khi muộn hơn. Người phụ nữ tỏ ra sợ hãi, bứt rứt, đôi khi có biểu hiện rối loạn hành vi với những ý nghĩ hoang tưởng hoặc ảo giác. Người bệnh phản ứng một cách không bình thường với cả chồng và người thân trong gia đình. Thời gian mắc bệnh kéo dài càng khiến người phụ nữ có những rối nhiễu tâm thần, lệch lạc nhân cách và có thể trở nên nguy hiểm cho chính người mẹ và trẻ sơ sinh. Do vậy, hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC đã xác định, khoảng thời gian mà người mẹ được coi còn trong trạng thái mới sinh con là khoảng thời gian từ khi sinh cho đến ngày thứ bảy.

Việc quy định chủ thể của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ chỉ có thể là mẹ của đứa trẻ, điều này thể hiện rõ tính nhân văn, nhân đạo trong chính sách pháp luật của nước ta. Mặc dù cũng là tội giết người, nhưng các nhà làm luật đã xét đến yếu tố tâm lý của người phụ nữ sau khi sinh để có những hình phạt phù hợp với hoàn cảnh của họ. Do đó, bất kể là mẹ nuôi, bố đẻ, hay một

người thân thiết nào khác của đứa trẻ cũng không thể là chủ thể của tội này dù học có thỏa mãn đầy đủ những dấu hiệu khác của mặt khách quan của tội phạm [4].

Thứ năm, hình phạt

Hình phạt theo quy định tại Điều 94 BLHS năm 1999 đối với hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ có chung khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

Điều 124 BLHS năm 2015 đã quy định riêng về hình phạt đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, cụ thể:

- Đối với hành vi phạm tội giết con mới đẻ, khung hình phạt đối với hành vi này là phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Đối với hành vi phạm tội vứt bỏ con mới đẻ, khung hình phạt đối với hành vi này là cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Việc phân biệt này đã đáp ứng được yêu cầu về phân hóa trách nhiệm hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

1.2.2. Phân biệt tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với một số tội phạm khác

1.2.2.1. Phân biệt tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với tội giết người (Điều 93 BLHS năm 1999).

Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ và tội giết người đều xâm phạm đến quyền sống của con người do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý nhằm tước đoạt tính mạng người khác. Tuy nhiên, giữa tội giết người và tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ có những điểm khác biệt sau:

Nội dung	Tội giết người	Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ
-----------------	-----------------------	--

Chủ thể của tội phạm	Bất kỳ người nào từ đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực TNHS.	Là người mẹ sinh ra đứa trẻ, từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực chịu TNHS, thực hiện hành vi trong khoảng thời gian 7 ngày kể từ ngày sinh ra đứa trẻ và trong tình trạng bị ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt.
Nạn nhân của tội phạm	Bất kỳ người nào. Nạn nhân là trẻ em là tình tiết tăng nặng	Đứa trẻ mới sinh trong vòng 7 ngày.
Nguyên nhân phạm tội	Không phải là dấu hiệu bắt buộc.	Là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Chỉ những người mẹ bị ảnh hưởng nặng nề bởi tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt thực hiện hành vi giết hoặc vứt bỏ đứa con do chính mình sinh ra trong vòng 07 ngày tuổi mới phạm tội này
Hình phạt	có khung hình phạt cao nhất là chung thân hoặc tử hình.	có khung hình phạt cao nhất là 3 năm

1.2.2.2. Phân biệt tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với tội vô ý làm chết người

Ngoài những điểm giống nhau về khách thể xâm hại, hậu quả làm chết người và độ tuổi chịu TNHS, hai tội này có những điểm khác nhau như sau:

Nội dung	Tội vô ý làm chết người	Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ
Chủ thể	Bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi có năng lực TNHS	Là người mẹ sinh ra đứa trẻ, từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực chịu TNHS, thực hiện hành vi trong khoảng thời gian 7 ngày kể từ ngày sinh ra đứa trẻ và trong tình trạng bị ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt.
Về hành vi khách quan	Người phạm tội vi phạm các quy tắc an toàn nhằm đảm bảo cho tính mạng, sức khỏe của con người nên đã gây ra thiệt hại về tính mạng của con người.	Thể hiện ở hai dạng hành vi: - Hành vi tước đoạt tính mạng đứa trẻ do mình sinh ra một cách trái pháp luật. - Hành vi vứt bỏ đứa trẻ dẫn đến đứa trẻ bị chết.
Mặt chủ quan của tội phạm	Lỗi của người phạm tội là lỗi vô ý, có thể là vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý do cẩu thả.	Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý, có thể cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.
Nạn nhân của tội	Bất kỳ người nào.	Đứa trẻ mới sinh trong vòng 7 ngày.

phạm		
Nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội	Không phải là dấu hiệu bắt buộc	Là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

1.2.1. Quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự 1985

Trong thời kỳ này, Nhà nước ta đã ban hành một số Sắc lệnh để thực hiện việc quản lý, xây dựng đất nước, trong đó có quy định về tội phạm như: Sắc lệnh thiết lập TAQS ngày 14/12/1946 để xét xử tất cả những người nào thực hiện một việc gì đó gây phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Sắc lệnh số 27/SL ngày 28/02/1946, Sắc lệnh số 223/SL ngày 27/11/1946, Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/4/1948 nhằm tăng cường bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn hiện tại. Ngoài ra, Chính phủ còn cho phép áp dụng một số điều khoản của pháp luật hình sự cũ nhằm duy trì ổn định trật tự an toàn xã hội trong lúc chưa xây dựng kịp thời các văn bản luật mới.

Tuy nhiên, hành vi giết con mới đẻ chưa được quy định thành tội danh độc lập, thậm chí chưa được đề cập trong các quy định của pháp luật. Tội phạm có liên quan được đề cập đến là tội giết người với một loạt các văn bản hướng dẫn như: Thông tư 422/TTg ngày 19/01/1955 của Thủ tướng chính phủ về việc trừng trị một số tội phạm. Điểm 3 thông tư này quy định: “*Có ý giết người phạt tù từ 5 đến 20 năm, nếu có trường hợp nhẹ có thể hạ xuống một*

năm, giết người có dự mưu có thể phạt tử hình". Thông tư 556 ngày 24/12/1958 của Thủ tướng chính phủ nêu một cách toàn diện chính sách truy tố và xét xử đối với tội phạm hình sự trong đó có tội giết người. Thông báo về Hội nghị Ban bí thư Trung ương Đảng ngày 25/03/1963 về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1963 của ngành TAND ở Điểm 3 nhấn mạnh: *"Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, đặc biệt phải nghiêm trị tội giết người..."*.

Trong thời kỳ đầu xây dựng CNXH ở miền Bắc hàng năm xảy ra khá nhiều vụ giết hoặc vứt bỏ trẻ em mới đẻ. Hầu hết những trường hợp này là người mẹ do hoang mang lo sợ dư luận chê cười hoặc vì gặp hoàn cảnh khó khăn về nhiều mặt nên đã bí mật giết con mình, cá biệt có một số vụ giết trẻ em mới đẻ vì mê tín.

Năm 1960, TANDTC tổng kết thực tiễn xét xử và ban hành chỉ thị 1025 ngày 15/6/1960 hướng dẫn đường lối xét xử, trong đó xác định hoàn cảnh giết trẻ sơ sinh có thể do mê tín hoặc do sợ lây bệnh để khỏi phải nuôi khổ sở trong hoàn cảnh khốn quẫn về kinh tế.

Năm 1963 ngành TAND đã tổng kết và ra Chỉ thị 01/NCCS ngày 14/03/1963 về đường lối xử lý tội phạm gọi là *"tội giết trẻ sơ sinh"*. Đây là lần đầu tiên tội danh giết trẻ sơ sinh được xác định. Chỉ thị quy định tội này cần được hiểu là việc người mẹ đã bắt buộc dĩ phải giết đứa con đẻ hoang của mình vì sợ dư luận chê cười hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn, khốn quẫn về kinh tế hoặc tình cảm. Đứa trẻ mới sinh được một thời gian ngắn (thông thường từ một tuần trở lại, cũng có thể kéo dài hơn không quá một tháng).

Đồng thời ngày 10/8/1970 TANDTC bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người kèm theo Công văn số 452/HS2 cũng xác nhận *"giết trẻ em mới đẻ là phạm tội giết người có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt"*, đồng thời cụ thể hóa các dấu hiệu của trường hợp phạm tội này. Trong một thời gian dài, việc xét xử các vụ án giết người trong đó có hành vi giết trẻ sơ sinh chủ

yếu dựa vào Thông tư 442/TTg ngày 19/01/1955 của Thủ tướng chính phủ, Sắc luật 03-SL/76 ngày 15/03/1976 của Hội đồng chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam và một số văn bản hướng dẫn khác của TANDTC.

Như vậy, pháp luật thời kỳ này đã xác định được một số dấu hiệu đặc trưng của trường hợp phạm tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với đường lối xử lý giảm nhẹ hơn so với tội giết người. Tuy nhiên, tất cả các văn bản pháp luật hình sự trên đều là những văn bản đơn hành để tổng kết, hướng dẫn nên có hiệu lực thấp (như Sắc luật, sắc lệnh, Thông tư của Chính phủ...), thiếu sự đồng bộ, thiếu thống nhất, nhiều lỗ hổng dẫn đến tình trạng tùy tiện áp dụng pháp luật, xử nặng, xử nhẹ, thậm chí xử sai, làm oan người vô tội. Sự cần thiết của việc ban hành BLHS là một tất yếu khách quan, xuất phát từ nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới vào thời điểm này.

1.2.2. Quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong Bộ luật hình sự năm 1985

Hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ được đề cập trong BLHS năm 1985 là một bước tiến lớn trong công tác xây dựng pháp luật của Nhà nước, là cơ sở để các cơ quan hành pháp tiến hành đấu tranh với loại tội phạm này. Tuy nhiên, BLHS năm 1985, hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ không được quy định là tội phạm độc lập mà chỉ được coi là một trường hợp giết người được giảm nhẹ đặc biệt.

Khoản 4, Điều 101 Bộ luật hình sự 1985 quy định:

Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm [8].

Những dấu hiệu xác định tình tiết giảm nhẹ đặc biệt được mô tả cụ thể trong quy định của BLHS như do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu, trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... Đây thực chất là những tổng kết của thực tiễn xét xử trước đây được luật hóa. Nghị quyết 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn phân các tội phạm của BLHS năm 1985 cũng có giải thích, hướng dẫn thêm, quy định hành vi giết con mới đẻ thuộc một số tình tiết định khung hình phạt giảm nhẹ và nêu rõ *“Đây là một tội phạm có cấu thành giảm nhẹ đặc biệt, cần được vận dụng một cách thận trọng và chặt chẽ”* [7].

Trong giai đoạn này, tội giết con mới đẻ được quy định là chính sách hình sự giảm nhẹ đặc biệt của Nhà nước ta, bởi vậy hình phạt của tội phạm cũng được giảm nhẹ với mức cao nhất của khung hình phạt tương ứng là cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Xét trong tương quan so sánh với khung cơ bản của tội giết người với mức hình phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm thì có thể thấy được mức độ hình phạt của tội phạm này đã được giảm nhẹ rất nhiều.

Do hành vi giết con mới đẻ và vứt bỏ con mới đẻ được quy định chung trong tội giết người và được coi như trường hợp đặc biệt của tội giết người, do vậy, khi định tội danh, người mẹ nào do ảnh hưởng của tư tưởng lạc hậu, hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà giết con mới đẻ thì sẽ bị truy cứu TNHS với tội danh “giết người”, điều này gây tâm lý xấu cũng như dư luận xã hội nặng nề đối với người phạm tội. Vì vậy, việc tách tội giết con mới đẻ thành một tội riêng biệt với tội giết người và được quy định tại một điều luật riêng biệt là hết sức cần thiết.

1.2.3. Quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong Bộ Luật hình sự năm 1999

Do chuyển biến của tình hình xã hội, xuất phát từ những đòi hỏi cấp thiết của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời kỳ mới, ngày 21/12/1999, BLHS năm 1999 được thông qua tại kỳ họp thứ VI của Quốc hội khóa X. Sự ra đời của BLHS năm 1999 góp phần sửa đổi toàn diện BLHS năm 1985 về kỹ thuật lập pháp lần chính sách hình sự. Đặc biệt, BLHS năm 1999 đã tách tội giết con mới đẻ thành một tội danh độc lập, quy định tại Điều 94, phần nào phản ánh chính xác hơn tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi giết con mới đẻ. Đồng thời đây chính là sự kế thừa chính sách hình sự đã có từ trước đây, thể hiện tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước ta.

BLHS năm 1999 đã tách Tội giết con mới đẻ ra khỏi Tội giết người và lấy tên điều luật là “*Tội giết con mới đẻ*”. Điều này có một ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn bởi theo quy định của BLHS năm 1985 thì giết con mới đẻ chỉ được coi là một cấu thành giảm nhẹ của tội giết người, nên trong thực tiễn xét xử người phạm tội tuy được hưởng hình phạt giảm nhẹ nhưng vẫn bị định danh là tội giết người. Điều này gây ảnh hưởng tâm lý khá nặng nề cũng như dư luận xã hội đối với người phạm tội.

Một điểm khác biệt nữa là so với quy định của BLHS 1985 thì quy định về tội giết con mới đẻ trong BLHS 1999 có tính nghiêm khắc hơn thể hiện ở hình phạt cải tạo không giam giữ từ mức “đến một năm” (theo quy định của BLHS 1985) tăng lên mức “đến hai năm” (theo quy định của BLHS 1999).

BLHS năm 1999 quy định tội giết con mới đẻ như sau: *Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ đứa trẻ đó dẫn đến hậu quả*

đưa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù ba tháng đến hai năm [9, tr.99].

BLHS năm 1999 tuy đã tách tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ ra khỏi tội giết người và quy định thành tội danh độc lập, tuy nhiên, quy định tại Điều 94 BLHS 1999 cũng còn hạn chế như: tên điều luật chưa thể hiện được hết nội dung quy định trong đó, do vậy, trong định tội danh, nếu người phạm chỉ thực hiện hành vi vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đá trẻ chết, thì người phạm tội đó vẫn bị định tội danh “giết con mới đẻ” theo Điều 94 BLHS năm 1999, mức hình phạt giữa hai hành vi có tính chất khác nhau nhưng lại giống nhau.... Do đó, việc sửa đổi Điều 94 BLHS năm 1999 là điều cần thiết.

1.2.4. Quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong BLHS năm 2015

BLHS năm 2015 trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 4 Điều 101 BLHS năm 1985, Điều 94 BLHS năm 1999 và được sửa đổi bổ sung năm 2009 đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn về hành vi phạm tội. Điều 124 BLHS năm 2015 quy định về Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ như sau:

“1. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”;

2. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đưa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm” [9, tr.89].

Như vậy, ta thấy BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn, hình phạt nghiêm khắc hơn, chỉ quy định áp dụng hình phạt tù với mức phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm theo khoản 1 và phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm theo khoản 2. Điều này cho thấy đã có

sự phân hóa trách nhiệm hình sự giữa hai hành vi khác nhau trong cùng một điều luật.

Trong BLHS năm 2015, tên của Điều luật cũng đã được bổ sung cho phù hợp với nội dung Điều luật. Nếu như trước đây, tội “giết con mới đẻ” được quy định gồm hai hành vi “giết hoặc vứt con mới đẻ”, do đó, khi người phạm tội nếu thực hiện hành vi “vứt bỏ con mới đẻ” thì khi định tội danh vẫn bị truy tố về tội “giết con mới đẻ”, điều này là chưa hợp lý, chưa thể hiện được bản chất của hành vi phạm tội. Do đó, BLHS năm 2015 đã bổ sung hành vi “vứt bỏ con mới đẻ” trong tên điều luật là điều cần thiết, giải quyết được hạn chế nêu trên.

1.3. Quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong pháp luật hình sự của một số quốc gia

1.3.1. Quy định về tội giết con mới đẻ trong pháp luật hình sự Thụy Điển

Trong BLHS của Thụy Điển có 38 chương bao gồm 379 điều. Tội giết con mới đẻ được quy định trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng và sức khỏe của con người. Điều 3, chương 4 Bộ luật hình sự Thụy Điển quy định: *“Người mẹ nào do rối loạn tâm thần hoặc quá đau khổ mà giết con mới đẻ thì bị phạt tù đến sáu năm về tội giết con mới đẻ”* [16].

Khách thể mà người phạm tội xâm phạm ở đây được pháp luật đề cập đến đó là quyền sống, là tính mạng của đứa trẻ. Chủ thể thực hiện hành vi phạm tội là người mẹ, người trực tiếp sinh ra đứa trẻ đó thực hiện hành vi nhằm tước đoạt mạng sống của đứa trẻ, hậu quả dẫn đến đứa trẻ bị chết.

Ngay trong quy định của điều luật chúng ta có thể thấy sự giống nhau của BLHS Thụy Điển và BLHS Việt Nam đó là dấu hiệu nguyên nhân phạm tội, là dấu hiệu quan trọng, được BLHS Thụy Điển quy định là yếu tố cấu thành tội phạm. Dấu hiệu nguyên nhân phạm tội của người mẹ ở đây được

nhấn mạnh đó là “*do rối loạn tâm thần hoặc quá đau khổ*” [16] dẫn đến hành vi giết con mới đẻ. Đối tượng tác động của tội giết con mới đẻ theo quy định của pháp luật Thụy Điển và pháp luật Việt Nam đều là con mới đẻ.

Chúng ta thấy, việc quy định tình tiết “*do rối loạn tâm thần hoặc quá đau khổ*” trong quy định của BLHS Thụy Điển là tình tiết dễ xác định nội hàm hơn tình tiết “*ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu*” hoặc “*hoàn cảnh khách quan đặc biệt*” như quy định trong BLHS 1999 của nước ta.

Mặt khác chúng ta có thể nhận thấy hình phạt đối với tội giết con mới đẻ của Thụy Điển nặng hơn so với hình phạt của BLHS Việt Nam. Trong khi BLHS Việt Nam quy định hình phạt đối với tội giết con mới đẻ là “cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm” [9, tr. 99] thì BLHS Thụy Điển quy định bị “*phạt tù đến sáu năm*” [16]. Có thể thấy mức hình phạt của Thụy Điển cao hơn, có sức răn đe trừng trị cao hơn Việt Nam.

1.3.2. Quy định về tội giết con mới đẻ trong pháp luật hình sự Liên Bang Nga

Tội giết con mới đẻ được BLHS Liên bang Nga thuộc chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người của BLHS. Điều 106 quy định: “*Người mẹ giết con mới đẻ trong hoặc ngay sau khi sinh, cũng như người mẹ giết con mới đẻ trong tình trạng thần kinh bị ức chế hoặc rối loạn tâm thần mà không làm mất năng lực trách nhiệm hình sự thì bị phạt tù đến năm năm*” [15].

Trong quy định của BLHS Liên bang Nga, khách thể bị xâm phạm ở đây cũng là quyền sống, tính mạng của đứa trẻ. Chủ thể thực hiện tội giết con mới đẻ cũng là người mẹ, người trực tiếp sinh ra đứa trẻ. Cũng giống như theo quy định của BLHS Việt Nam, BLHS Liên Bang Nga cũng nhấn mạnh nguyên nhân “*người mẹ giết con mới đẻ trong tình trạng thần kinh bị ức chế*

hoặc rối loạn tâm thần” [16]. Đối với dấu hiệu về nguyên nhân phạm tội, cũng như BLHS Việt Nam, đều quy định trên cơ sở bệnh lý của người mẹ trong thời kỳ mang thai và sau sinh, làm người mẹ không làm chủ được hành vi của mình. Điều này xuất phát từ nguyên nhân ở phụ nữ sau sinh có thể mắc một bệnh được gọi là “loạn thần sau sinh”. Những triệu chứng thường bắt đầu vào cuối tuần thứ nhất (sau 7 ngày), đôi khi vào tuần thứ hai sau sinh nhưng ít khi muộn hơn. Người phụ nữ tỏ ra sợ hãi, bứt rứt, đôi khi có biểu hiện rối loạn hành vi với những ý nghĩ hoang tưởng hoặc ảo giác.

Chúng ta thấy, BLHS Liên Bang Nga quy định nguyên nhân một cách cụ thể, có dấu hiệu rõ ràng và có thể dễ dàng được minh chứng bằng cơ sở khoa học, kết luận giám định y khoa với các tình tiết “*thần kinh bị ức chế*” hoặc “*rối loạn tâm thần*”. Còn đối với nguyên nhân phạm tội theo BLHS Việt Nam như trên đã nói còn mang tính định tính, chung chung, do đó, việc xác định thế nào là “*do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu*” hoặc “*trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt*” còn chung chung và cần phải có hướng dẫn cụ thể.

Tuy nhiên khác với quy định của BLHS Việt Nam và BLHS của Thụy Điển, BLHS Liên Bang Nga đưa cả điều kiện người mẹ “*không bị mất năng lực trách nhiệm hình sự*” vào điều luật để làm rõ cơ sở của trách nhiệm hình sự. Trong khi đó BLHS Việt Nam và BLHS của Thụy Điển không đưa quy định điều kiện người mẹ “*không bị mất năng lực trách nhiệm hình sự*” trong điều luật mà vấn đề trách nhiệm hình sự đã được hiểu “*đã là chủ thể của tội phạm thì phải thỏa mãn đầy đủ điều kiện về tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự*”. Đối tượng tác động của tội giết con mới đẻ theo quy định của BLHS Liên Bang Nga không chỉ là con mới đẻ sau khi sinh mà cả con mới đẻ đang trong khi sinh. Và mức hình phạt đối với tội phạm hoàn thành theo quy định của

BLHS Liên bang Nga là năm năm tù, hình phạt cao hơn hẳn so với quy định hình phạt của Việt Nam hiện nay.

1.3.3. Quy định của về tội giết con mới đẻ trong pháp luật hình sự Canada

Tội giết con mới đẻ được quy định tại Điều 3, chương 3 các tội xâm phạm tính mạng và sức khỏe của con người, phần II các tội phạm. BLHS Canada quy định: “*Người mẹ nào giết con mới đẻ hoặc vào thời điểm sinh con trong trạng thái bị rối loạn tâm thần hoặc đau khổ trầm trọng thì bị phạt tù đến sáu năm về tội giết trẻ sơ sinh*” [14].

Theo quy định của BLHS Canada, khách thể bị xâm hại ở đây cũng là quyền sống, tính mạng của đứa trẻ. Chủ thể thực hiện tội giết con mới đẻ cũng là người mẹ, người trực tiếp sinh ra đứa trẻ. Đối tượng tác động của tội giết con mới đẻ theo quy định của BLHS Canada giống với quy định về đối tượng tác động trong quy định của BLHS Liên Bang Nga tức là đều gồm hai đối tượng: Con mới đẻ sau khi sinh và trong khi sinh. Nguyên nhân phạm tội cũng được BLHS Canada nhấn mạnh đó là “*trong trạng thái bị rối loạn tâm thần hoặc đau khổ trầm trọng*” [14]. Quy định này có nhiều điểm tương đồng như trong quy định trong BLHS Thụy Điển và quy định trong BLHS cộng hòa liên bang Nga khá cụ thể và dễ chứng minh hơn trong quy định của BLHS nước ta. Hình phạt đối với tội giết con mới đẻ theo quy định của Bộ luật hình sự Canada là sáu năm, cao hơn so với hình phạt của Việt Nam, Liên Bang Nga và bằng với mức hình phạt của Thụy Điển.

1.3.4. Quy định về tội giết con mới đẻ trong pháp luật hình sự Nhật Bản

Trong quy định của BLHS Nhật Bản, hành vi giết con mới đẻ không được quy định rõ thành một tội danh độc lập như BLHS của Việt Nam, Liên

Bang Nga hay Thụy Điển mà liên quan đến tội giết con mới để được quy định trong tội bỏ rơi dẫn tới thương tích hoặc chết.

Điều 217: Bỏ rơi:

“Người nào bỏ rơi người già yếu, trẻ thơ, người tàn tật, người bệnh hoạn đang cần sự chăm sóc thì bị phạt tù từ dưới 1 năm”.

Điều 218: Bỏ rơi của người có trách nhiệm chăm nom,... quy định:

“Người có trách nhiệm chăm nom người già yếu, trẻ thơ, người tàn tật hoặc người bệnh hoạn mà bỏ rơi những người này, hoặc không có sự chăm nom cần thiết cho sự sống còn của những người này thì bị phạt tù trên 3 tháng đến dưới 5 năm”.

Điều 219: Tội bỏ rơi, v.v... dẫn tới thương tích hoặc chết người.

“Đối với người phạm các tội được quy định tại 2 điều trên mà do đó gây ra thương tích hoặc chết người thì so với các tội gây ra thương tích xử lý theo khung hình phạt nặng”.

Như vậy theo quy định của BLHS Nhật Bản trẻ thơ, là nhóm đối tượng được chăm nom và đang cần sự chăm sóc. Theo quy định tại Điều 217 thì một trong các đối tượng tác động của tội phạm là trẻ thơ mà đang cần được chăm sóc; người phạm tội có thể là bất cứ ai không nhất thiết phải là người mẹ trực tiếp sinh ra cũng có thể là chủ thể của tội phạm và bị phạt dưới một năm tù. Tại Điều 218 quy định rõ hơn đối với những người có trách nhiệm chăm nom. Người có trách nhiệm chăm nom có thể là: bố, mẹ, anh, chị, em... trong gia đình. Người nào thuộc nhóm những người có trách nhiệm chăm nom trẻ thơ mà bỏ rơi những đứa trẻ đó thì đều bị phạt tù và khung hình phạt đã được tăng nặng lên từ trên 3 tháng đến dưới năm năm. Đối với trường hợp bỏ rơi mà dẫn tới hậu quả đứa trẻ bị thương tích hoặc chết người thì so với các tội gây ra thương tích xử lý theo khung hình phạt nặng.

Thông qua việc tìm hiểu các quy định của pháp luật hình sự Nhật Bản ta có thể thấy, ở Nhật Bản trẻ em là đối tượng bảo vệ đặc biệt. Không riêng gì trường hợp là trẻ sơ sinh mới sinh ra, cứ là trẻ em đang cần phải chăm sóc mà bị bỏ rơi bất kể là người nào đều bị xử lý, đối với những người có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc sẽ bị xử lý nặng với mức hình phạt nặng hơn. Đặc biệt thành vi bỏ rơi mà dẫn tới hậu quả gây thương tích hoặc chết người xảy ra bị xử lý theo khung hình phạt nặng. Như vậy so với hình phạt của BLHS Việt Nam, BLHS Thụy Điển, BLHS Canada, BLHS Liên Bang Nga cao hơn có tính răn đe, nghiêm khắc hơn. Đặc biệt, theo quy định của BLHS Nhật Bản thì người mẹ là người trực tiếp sinh ra đứa trẻ thực hiện hành vi bỏ rơi dẫn tới hậu quả gây ra thương tích hoặc chết người sẽ còn bị xử lý nặng hơn. Bởi người mẹ được xếp vào nhóm người có trách nhiệm chăm sóc, không được xử lý nhẹ đối với đối tượng thực hiện hành vi phạm tội khác như quy định của BLHS Việt Nam, BLHS Canada, BLHS Thụy Điển, BLHS Liên Bang Nga.

Kết luận chương 1

Trong chương này, tác giả đã đi sâu phân tích khái niệm về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, các dấu hiệu về khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm. So sánh tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với tội giết người, tội vô ý làm chết người.

Tác giả cũng đã nghiên cứu, tìm hiểu về quá trình hình thành và quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong pháp luật Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1985, quy định trong BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015. Phân tích và làm rõ những quy định về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trong BLHS một số nước trên thế giới như Nga, Canada, Thụy Điển và Nhật Bản.

Chương 2

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẼ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước hoặc nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể [18, Tr. 469] Từ định nghĩa này, có thể đưa ra định nghĩa áp dụng pháp luật hình sự:

Áp dụng pháp luật hình sự là một hình thức thực hiện pháp luật hình sự, trong đó các cơ quan và chủ thể có thẩm quyền áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Áp dụng pháp luật hình sự gồm rất nhiều nội dung, như định tội danh, quyết định hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự, miễn chấp hành hình phạt, áp dụng các biện pháp tư pháp...

Trong khuôn khổ phạm vi Luận văn này, tác giả chỉ tập trung giải quyết hai nội dung cơ bản của áp dụng pháp luật hình sự là định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

2.1. Định tội danh tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

2.1.1. Lý luận về định tội danh giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của định tội danh tội giết con mới đẻ

Có thể nói, định tội danh là một khái niệm của khoa học luật hình sự Việt Nam, nó không được quy định cụ thể trong luật thực định. Vì vậy, có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm này:

Theo quan điểm của GS.TSKH Lê Cẩm: “*định tội danh là một quá trình nhận thức lý luận có tính logic, là dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cũng như pháp luật tố tụng hình sự và được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ tài liệu thu thập được và các tính tiết thực tế của vụ án hình sự để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi tương ứng do luật hình sự quy định nhằm đạt được sự thật khách quan, tức đưa ra sự đánh giá chính xác tội phạm về mặt pháp lý hình sự, làm tiền đề cho việc cá thể hóa và phân tích trách nhiệm hình sự một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật*” [2, tr. 33].

TS Dương Tuyết Miên cũng đưa ra quan điểm của mình về định tội danh: “*Định tội danh là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để xác định một người có phạm tội hay không, nếu phạm tội thì đó là tội gì, theo điều luật nào của BLHS hay nói cách khác đây là quá trình xác định tên tội cho hành vi nguy hiểm đã thực hiện*”[6, tr. 9].

Theo GS.TS Võ Khánh Vinh:

“*Định tội danh là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự bao gồm việc tiến hành đồng thời 3 quá trình:*

- *Xác định đúng, khách quan các tình tiết thực tế của vụ án;*
- *Nhận thức đúng nội dung của các quy định trong bộ luật hình sự;*
- *Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu chính xác, đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm đó với các tình tiết của hành vi được thực hiện trong thực tế, trên cơ sở đó đưa ra kết luận có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi thực tế đã được thực hiện với cấu thành tội phạm được quy định trong điều hoặc*

khoản của điều luật tương ứng. Kết luận đó được trình bày dưới dạng văn bản áp dụng pháp luật” [19, tr. 17].

Như vậy, mặc dù được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, nhưng về cơ bản các nhà khoa học đều thống nhất ở một số khía cạnh sau:

Một là, định tội danh là hoạt động nhận thức có tính logic của con người về việc có sự phù hợp hay không phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi xảy ra ngoài thực tiễn khách quan với quy định của pháp luật hình sự về một tội phạm cụ thể;

Hai là, định tội danh là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trong các cơ quan đó trên cơ sở quy định của pháp luật. Cũng có tác giả cho rằng bao gồm cả hoạt động áp dụng pháp luật tố tụng hình sự nếu hiểu định tội danh theo nghĩa rộng;

Ba là, định tội danh là cơ sở cho việc quyết định hình phạt và giải quyết các vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội (trong trường hợp định tội danh chính thức).

Từ các quan điểm nêu trên, có thể định nghĩa: Định tội danh tội giết hoặc rút bỏ con mới đẻ là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án để xác định sự phù hợp giữa hành vi thực tế đã thực hiện với các cấu thành tội phạm cụ thể được quy định tại Điều 94 của BLHS năm 1999 (nay là Điều 124 BLHS năm 2015), từ đó để xác định một người có phạm tội giết hoặc rút bỏ con mới đẻ hay không.

Việc định tội danh đối với tội giết hoặc rút bỏ con mới đẻ đúng sẽ là tiền đề cho việc xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt được chính

xác, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Xác định đúng tội danh tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là thể hiện hoạt động có hiệu quả, ý thức tuân thủ pháp luật triệt để cũng như ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp của các cơ quan có thẩm quyền, từ đó góp phần vào công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe nói riêng.

2.1.1.2. Cơ sở pháp lý của định tội danh giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

Pháp luật hình sự có ý nghĩa quan trọng trong quá trình định tội danh tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, là cơ sở pháp lý của định tội danh. Bản chất quá trình định tội danh là tìm sự giống nhau giữa các dấu hiệu của một hành vi nguy hiểm cho xã hội với các dấu hiệu tương ứng trong CTTP về loại tội phạm nào đó được quy định trong BLHS. BLHS là cơ sở pháp lý của việc xác định một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra trong thực tế là tội phạm hay BLHS là cơ sở pháp lý của định tội danh. [19, tr. 61].

Khi tiến hành định tội danh tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, cần căn cứ vào phần chung và quy phạm phân các tội phạm được quy định tại Điều 94 BLHS năm 1999 (sau này là Điều 124 BLHS năm 2015), trong đó, phần chung là phần quy định về nhiệm vụ, nguyên tắc, tuổi chịu trách nhiệm hình sự và những chế định cơ bản khác của Luật hình sự Việt Nam. Điều 93 BLHS năm 1999 chứa đựng các dấu hiệu cụ thể của các yếu tố CTTP.

Điều 94 BLHS năm 1999 chỉ có một cấu thành tội phạm cơ bản, tuy nhiên cấu thành này lại gồm hai dạng hành vi khác nhau. Tại Điều 124 BLHS năm 2015, các nhà làm luật đã tách thành 02 cấu thành tội phạm cơ bản.

2.1.1.3. Ý nghĩa của việc định tội danh đối với tội giết hoặc vứt bỏ

Trong công tác xét xử vụ án hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, quá trình định tội danh có ý nghĩa vô cùng quan trọng, được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, việc định tội danh đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ đúng sẽ là tiền đề cho việc xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt được chính xác, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Thứ hai, việc xác định tội danh đúng thể hiện hoạt động có hiệu quả, ý thức tuân thủ pháp luật triệt để cũng như ý thức trách nhiệm trong hoạt động tổ tụng của các cơ quan có thẩm quyền, từ đó góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe nói riêng. Góp phần nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động của các cơ quan này cũng như hỗ trợ cho việc củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, Định tội danh đúng sẽ dẫn đến việc quyết định hình phạt đúng, từ đó làm cho hình phạt đã tuyên tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, làm cho bản thân bị cáo thấy được tính sai trái của hành vi của mình và nhận thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình, đánh thức bản tính lương thiện, có ý thức tự giác tuân thủ pháp luật.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn TP HCM

2.1.2.1. Những kết quả đạt được

Trong thời gian vừa qua, tình hình tội phạm giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói chung có xu hướng tăng. Theo Báo cáo tổng kết công tác 05 năm (2012-2016) của Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì trên địa bàn

toàn thành phố xảy ra 09 vụ giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, trong đó 06 vụ án giết con mới đẻ và 03 vụ án vứt bỏ con mới đẻ với 11 đối tượng phạm tội. So sánh với số vụ án giết người xảy ra trên địa bàn, số vụ giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ chiếm từ 2-6%, trong đó, năm 2012 có số vụ giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ bị truy tố ít nhất với 1 vụ, 01 bị cáo. Năm 2016 nhiều nhất với 3 vụ, 3 bị cáo (chi tiết tại Bảng 2.1 và Biểu 2.1 phần phụ lục).

*** Định tội danh đúng**

Nghiên cứu các vụ án hình sự về tội giết con mới đẻ (giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ) đã xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, đa số vụ án được định tội danh chính xác. Ví dụ vụ án Nguyễn Thị Xuân phạm tội vứt bỏ con mới đẻ (Bản án số 826/2012/HSST ngày 06/11/2012 của TAND Quận Thủ Đức).

Theo cáo trạng, Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1992, quê quán tại thôn Quảng Trung, xã Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là sinh viên trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh.

Cuối năm 2011, Xuân thuê trọ tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và quen biết yêu đương với Phạm Đình Tư (quê Long An) làm nghề tự do. Do vượt quá giới hạn của tình bạn, Xuân có thai ngoài ý muốn với Tư. Tháng 3 năm 2012, sau khi biết tin Xuân có thai, Tư một mực phủ nhận cái thai trong bụng Xuân là của mình và bỏ đi làm ăn nơi khác. Lúc này, Xuân có thai được hơn 7 tháng.

Tháng 5 năm 2012, Xuân hạ sinh một bé gái tại bệnh viện đa khoa Thủ Đức.

Khoảng 2h00 ngày 08 tháng 5 năm 2012, ngay sau khi sinh con, Xuân đã mang đứa bé đẻ trong một khu đất trống, nơi có nhiều hộ dân sinh sống xung quanh và bỏ đi.

Đến 5h30 cùng ngày, ông Trần Quốc Tuấn đi thể dục ngang qua phát hiện, tuy nhiên, qua kiểm tra phát hiện cháu bé đã chết nên báo cơ quan chức năng phường Linh Trung, quận Thủ Đức.

Qua điều tra, cơ quan công an xác định Xuân chính là mẹ đứa bé và triệu tập Xuân đến công an phường Linh Trung. Tại đây Xuân khai do lo sợ người nhà biết việc có thai ngoài ý muốn, khiếp sợ dư luận chê bai, khinh rẻ, lo sợ cho tương lai, trong lúc túng quẫn vì người yêu bỏ rơi, không nhận là cha đứa bé, nên tinh thần hoảng loạn. Hơn nữa, một mình nơi đất khách quê người, bản thân không có việc làm, không biết làm cách nào để nuôi con. Trong trạng thái hoảng loạn và bế tắc đó nên Xuân đã đẻ con ngoài khu đất trống với hy vọng đứa bé được người đi đường phát hiện và cứu mang nuôi đứa bé.

Xuân bị truy tố về tội giết con mới đẻ theo Điều 94 BLHS năm 1999.

Ngày 06 tháng 11 năm 2012, Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức đưa vụ án ra xét xử Nguyễn Thị Xuân về tội giết con mới đẻ theo quy định tại Điều 94 BLHS [12].

Qua vụ án trên cho thấy, các cơ quan tố tụng Quận Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào Điều 94 BLHS năm 1999; căn cứ vào giải thích trong Nghị quyết số 04-HĐTPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 của Tòa án nhân dân Tối cao về tình tiết “*ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu*” là: “*chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu (như: khiếp sợ trước dư luận chê bai về việc mang thai và đẻ con ngoài giá thú*”, đối chiếu các tình tiết thực tế của vụ án với các quy định và hướng dẫn trên, nhận định, do lo sợ dư luận và gia đình về việc có con ngoài ý muốn khi đang là sinh viên, túng quẫn do người yêu không thừa nhận cha đứa bé và bỏ đi, có thể coi đây là trường hợp ảnh hưởng bởi tư tưởng lạc hậu (lo sợ dư luận, gia đình), hoàn cảnh khách quan đặc biệt (đơn thân, người yêu bỏ rơi, không thừa nhận là cha đứa

bé...), hành vi của bị cáo là vứt bỏ đứa bé, dù là ngoài ý muốn nhưng hậu quả là dẫn tới cái chết của đứa bé. Do đó, các cơ quan tố tụng xác định Nguyễn Thị Xuân phạm tội “giết con mới đẻ” theo Điều 94 của BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội.

*** Không định tội “*giết con mới đẻ*” khi không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm**

Nghiên cứu hồ sơ một số vụ án giết con mới đẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, có những vụ án mặc dù nạn nhân là con mới sinh trong vòng 07 ngày tuổi, nhưng người thực hiện hành vi phạm tội không thỏa mãn đủ các dấu hiệu trong CTTP nên cơ quan chức năng vẫn định tội giết người.

Vụ án Hoàng Trọng Bảo là một ví dụ:

Theo cáo trạng số 21/CTr-VKS ngày 04/02/2014 của VKSND Quận 11, tối ngày 27/07/2013, Bảo đi uống rượu về và có lời qua tiếng lại với chị Trần Thị Hột, hai người đã làm đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong lúc tức giận chị Hột nói với Bảo bé gái vừa sinh 4 ngày tuổi không phải con của Bảo. Nghe vậy, Bảo nổi nóng và quát không phải con tao thì tao giết. Lập tức Bảo lao vào giường giật cháu bé lên rồi thẳng tay ném xuống nền nhà, ở khu nhà bếp. Sau khi chị Hột kêu cứu người thân đã bồng cháu bé sang nhà bên cạnh nhưng Bảo vẫn tiếp tục giằng lấy cháu bé. May mắn cháu bé thoát chết. Bảo bị truy tố về tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS.

Tại phiên xét xử sơ thẩm ngày 08/04/2014, theo bản án hình sự sơ thẩm số 32/2014/HSST Tòa án nhân dân Quận 11 đã tuyên phạt bị cáo Hoàng Trọng Bảo 9 năm tù về tội giết người [13]

Như vậy qua vụ án trên cho thấy, cơ quan tố tụng Quận 11 đã vận dụng đúng quy định về chủ thể của tội giết con mới đẻ theo Điều 94 BLHS năm

1999. Ở đây, dù nạn nhân là đứa trẻ mới 4 ngày tuổi, tuy nhiên Bảo không phải là người mẹ trực tiếp sinh ra đứa trẻ nên không thỏa mãn cấu thành tội giết con mới đẻ theo Điều 94 BLHS năm 1999 mà thỏa mãn cấu thành tội giết người theo Điều 93 BLHS năm 1999, tình tiết “giết con mới đẻ” trong trường hợp này trở thành tình tiết tăng nặng của tội giết người.

Như trên đã phân tích, đa số quan điểm đều thống nhất đối với dạng hành vi “vứt bỏ con mới đẻ” luôn là hành vi thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp. Do vậy, trường hợp hành vi vứt bỏ con mới đẻ, nếu chưa gây ra hậu quả chết người thì không bị coi là phạm tội và trường hợp này hậu quả đến đâu thì xử đến đó. Các cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố Hồ Chí Minh đã hiểu và vận dụng đúng tinh thần quan điểm này. Điển hình là vụ việc của Bùi Thị Lan.; Bùi Thị Lan, sinh ngày 12/06/1992 tại Quảng Trị. Năm 2009, Lan vào thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, tạm trú tại phường Phước Long B, quận 9. Trong thời gian làm việc, Lan có quan hệ yêu đương với anh H.D.N (27 tuổi), bộ đội đóng quân tại sân bay Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. Sau một thời gian yêu đương, Lan có thai, nhưng do mâu thuẫn với anh N nên hai người chia tay. Sau khi sinh đứa trẻ tại phòng trọ, trong hoàn cảnh đơn chiếc, lo sợ dư luận và bế tắc Lan đã bỏ đứa bé vào túi nilon, cột quai và để ra phía sau vườn của khu nhà trọ. Đứa trẻ đã được người dân tìm thấy và đưa đi bệnh viện kịp thời nên được cứu sống.

Qua điều tra, công an quận 9, thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Đây là vụ vứt bỏ con mới đẻ do Bùi Thị Lan thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp do bị ảnh hưởng bởi tư tưởng lạc hậu và trong hoàn cảnh đơn chiếc, lo sợ dư luận và bế tắc. Về ý thức chủ quan thì Lan không mong muốn cháu bé sẽ chết, thể hiện rõ Lan chỉ cột hai quai nilon lại với nhau để có không khí vào, và trong vòng hai giờ bị bỏ rơi đứa trẻ vẫn sống. Vị trí để đứa bé sát sau nhà thuận lợi có người quan lại dễ phát hiện để cứu đứa trẻ. Vì vậy, xét về mặt dấu hiệu

pháp lý, hành bị vứt bỏ con mới đẻ phải gây hậu quả cái chết của trẻ em thì người mẹ mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh này. Trong trường hợp này, cơ quan điều tra theo quan điểm là tội vứt bỏ con mới đẻ không có trường hợp phạm tội chưa đạt nên đã không khởi tố vụ án hình sự (hành vi của Lan không cấu thành tội phạm.)[1]

2.1.2.2. Một số khó khăn, vướng mắc

Thực tiễn xét xử các vụ án tội giết con mới đẻ tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy một số bất cập, vướng mắc trong định tội danh như sau:

- Việc quy định hai dạng hành vi trong một điều luật với duy nhất chỉ một tên gọi đã gây khó khăn, vướng mắc cho việc định tội danh.

Điều 94 BLHS năm 1999 quy định về tội giết con mới đẻ, tuy nhiên, tội này được thể hiện bằng một trong hai hành vi khách quan là hành vi “giết con mới đẻ” và “hành vi vứt bỏ con mới đẻ” dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết. Đây là hai loại hành vi khác nhau (hành vi giết và hành vi vứt bỏ con mới đẻ). Tuy nhiên, khi định tội danh, dù người phạm tội có thực hiện hành vi nào đi chăng nữa (một trong 2 hành vi trên) thì cơ quan tố tụng vẫn phải định tội danh “tội giết con mới đẻ” theo Điều 94 BLHS 1999, điều này là chưa phù hợp. Như vụ án Nguyễn Thị Xuân đã phân tích ở trên là một ví dụ. Hành vi của Xuân là hành vi “vứt bỏ con mới đẻ” và hậu quả là đứa trẻ chết nên đã thỏa mãn cấu thành tội vứt bỏ con mới đẻ. Tuy nhiên vì tên Điều 94 là tội giết con mới đẻ nên các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ có thể giải quyết vụ án về tội giết con mới đẻ.

- Việc quy định cả hai dạng hành vi phải “dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết” trong điều luật đã gây khó khăn, vướng mắc cho việc định tội danh

Mặc dù như trên đã nói, nhiều quan điểm đã phân tích cần phải hiểu quy định của Điều 94 BLHS 1999 là: Quy định của Điều 94 BLHS 1999, gồm hai dạng hành vi “giết con mới đẻ” và “vứt bỏ con mới đẻ”. Hành vi giết con

mới đẻ thường do lỗi cố ý trực tiếp và chỉ trong trường hợp cá biệt mới có lỗi cố ý gián tiếp, Do vậy, trường hợp này nếu hậu quả đứa trẻ chết thì lỗi của người phạm tội dù cố ý trực tiếp hay cố ý gián tiếp đều không ảnh hưởng đến việc định tội danh. Trường hợp đứa trẻ không chết, nếu là lỗi cố ý trực tiếp thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết con mới đẻ ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Nếu là lỗi cố ý gián tiếp thì hậu quả đến đâu xử lý đến đấy.

Tuy nhiên, quy định như Điều 94 BLHS năm 1999, thì về ngữ pháp phải hiểu cả hành vi “giết con mới đẻ” và hành vi “vứt bỏ con mới đẻ” đều đòi hỏi phải có hậu quả “đứa trẻ chết”, điều này gây nhiều khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan tố tụng trong định tội danh đối với hành vi giết con mới đẻ nếu như chưa xảy ra hậu quả “đứa trẻ bị chết”. Trường hợp Hoàng Thị Lý (sinh năm 1998 tại huyện huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai) là một ví dụ.

Theo hồ sơ vụ án số 15XP1015/50319D của công an huyện Bình Chánh, vào khoảng tháng 2 năm 2015, do quan hệ yêu đương, Hoàng Thị Lý đã có thai với một người cùng xã (đã có gia đình). Lo sợ mọi người phát hiện, Hoàng Thị Lý đã bỏ lên thành phố Hồ Chí Minh để xin vào làm công nhân tại cụm công nghiệp huyện Bình Chánh. Đến tháng 10 năm 2015, Lý đã sinh một bé trai tại phòng trọ của mình. Do mặc cảm cùng với việc lo sợ mọi người biết chuyện, trong lúc túng quẫn, Hoàng Thị Lý đã quấn chặt đứa trẻ bằng quần áo. Khi thấy đứa trẻ không còn cử động, Lý đã đem đứa trẻ bỏ vào trong bụi cây tại khu đất trống tại xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, cách nơi trọ của Lý khoảng 1km và ít người qua lại, sau đó Lý trở về phòng trọ của mình. Rất may mắn, sau đó đứa trẻ đã được một người phụ nữ nhặt ve chai phát hiện và báo cơ quan chức năng, đứa trẻ đã được cấp cứu kịp thời nên còn sống.

Qua xác minh, công an huyện Bình Chánh xác định Hoàng Thị Lý là mẹ của đứa trẻ. Khai nhận tại cơ quan công an, Lý cho biết, đứa trẻ là con một người đã có gia đình cùng xã, vì lo sợ bị phát hiện và điều tiếng của dư luận xã hội, trong lúc quẫn bách, đã quẫn chặt đứa trẻ. Nghĩ con đã chết vứt bỏ ở khu đất trống nói trên.

Như vậy, hành vi của Lý là cố ý giết đứa con do mình sinh ra, việc đứa trẻ còn sống là ngoài dự tính của Lý. Tuy nhiên, cơ quan điều tra xác định hành vi này chưa gây ra hậu quả đứa trẻ chết nên không thỏa mãn cấu thành tội giết con mới đẻ. Vì vậy cơ quan điều tra đã không khởi tố vụ án “tội giết con mới đẻ” theo Điều 94 của BLHS năm 1999. Rõ ràng trường hợp này đã bỏ lọt tội phạm vì hành vi của Lý đã thỏa mãn tội giết con mới đẻ trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

Trong BLHS năm 2015, các nhà làm luật đã tách hai hành vi phạm tội thành hai CTTP cơ bản, trong đó hành vi giết con mới đẻ được quy định tại Khoản 1, Điều 124 của BLHS 2015 và hành vi vứt bỏ con mới đẻ khoản 2 Điều 124 BLHS 2015. Với việc tách riêng này, cùng với việc đổi tên điều luật thành tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, các nhà làm luật đã khắc phục những bất cập, hạn chế, vướng mắc trong quy định ở Điều 94 của BLHS năm 1999 (Điều 94). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật.

2.2. Quyết định hình phạt

2.2.1. Lý luận về quyết định hình phạt về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

Điều 26 BLHS năm 1999 quy định “*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định*” [9, tr. 60].

QĐHP là sự lựa chọn loại hình phạt và xác định mức phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm tội. QĐHP chỉ đặt ra đối với các trường hợp người phạm tội không được miễn TNHS hoặc hình phạt, tức là đối với các trường hợp thực sự cần thiết phải áp dụng hình phạt cụ thể nhằm trừng trị và giáo dục, cải tạo người phạm tội [16, Tr. 263-265].

Theo Điều 45 BLHS năm 1999 “Khi QĐHP, Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS” [9, Tr. 69]

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Giai đoạn này chiếm vị trí đặc biệt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Điều đó thể hiện trước hết ở chỗ chỉ Tòa án mới có quyền quyết định hình phạt.

Quyết định hình phạt là một giai đoạn rất quan trọng trong hoạt động xét xử. Quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng là tiền đề cho việc đạt được các mục đích của hình phạt: cải tạo và giáo dục người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội, phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung (Điều 27 BLHS năm 1999). Ngược lại, quyết định một hình phạt không đúng pháp luật, không công bằng và không hợp lý thì không thể có khả năng đạt được các mục đích đó. Do đó, việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội có đạt được mục đích hay không, hiệu quả của hình phạt đạt được ở mức độ cao hay thấp phụ thuộc rất nhiều vào việc quyết định hình phạt.

Nếu tòa án coi nhẹ mặt giáo dục, cải tạo, xem hình phạt như là phương tiện chủ yếu để trừng trị người phạm tội thì sẽ dẫn đến việc quyết định hình phạt quá nặng. Còn một hình phạt quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm sẽ làm giảm ý nghĩa phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, đồng thời nảy sinh ở chính người phạm tội và những người khác có thái độ coi thường pháp luật; không tạo ra sự tin tưởng,

đồng tình cần thiết để giáo dục quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Với tính chất là một giai đoạn rất quan trọng, một nội dung của quá trình áp dụng pháp luật, quyết định hình phạt có những ý nghĩa sau:

Thứ nhất, quyết định hình phạt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị-xã hội và pháp lý. Quyết định hình phạt góp phần củng cố và giữ vững pháp chế, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Hình phạt mà tòa án tuyên cho người phạm tội phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Hình phạt đã tuyên thỏa đáng sẽ làm cho người bị kết án thấy được tính chất sai trái của hành vi của mình cũng như sự cần thiết của bản án đã tuyên cho họ, từ đó tự giác tuân thủ pháp luật; đồng thời hình phạt đã tuyên thỏa đáng sẽ đủ sức răn đe những người không "*vững vàng*" trong xã hội để họ từ bỏ ý định phạm tội, tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước. Hơn nữa, việc tòa án tuyên hình phạt thỏa đáng cho người phạm tội sẽ có tác dụng giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân thấy được sự nghiêm minh của luật pháp để tự giác tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ hai, quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý đầu tiên để đạt được mục đích của hình phạt: trừng trị và giáo dục. Việc quyết định hình phạt phải đảm bảo cho hình phạt đã tuyên đạt được cả hai mục đích này. Trừng trị và giáo dục là hai mặt có mối quan hệ hữu cơ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và là hai mặt của một thể thống nhất trong khi quyết định hình phạt và Tòa án không được coi nhẹ mặt nào. Chỉ khi hình phạt được quyết định một cách chính xác và công bằng thì mục đích của hình phạt mới đạt được, tức là có tác dụng giáo dục và cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác. Hình phạt được quyết định quá nhẹ so với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện sẽ sinh ra ở người phạm

tội và ở những người khác thái độ xem thường pháp luật, còn hình phạt được quyết định quá nặng sẽ gây ra ở người bị kết án sự không tin tưởng vào tính công bằng của pháp luật và sự công minh của các cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó dẫn đến hậu quả là là giảm ý nghĩa phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt.

Thứ ba, quyết định hình phạt đúng là cơ sở quan trọng để có thể nâng cao hiệu quả của hình phạt. Hiệu quả của hình phạt phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau như xây dựng pháp luật hình sự, quyết định hình phạt, chấp hành hình phạt, tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật cho công dân. Trong các yếu tố trên thì quyết định hình phạt là yếu tố quan trọng nhất. Việc xây dựng hệ thống pháp luật hình sự hoàn thiện chỉ có ý nghĩa khi quyết định hình phạt trong thực tế được đúng. Mặt khác, việc chấp hành hình phạt chỉ phát huy tác dụng nếu tòa án quyết định hình phạt đúng. Những yếu tố xã hội khác đảm bảo hiệu quả của hình phạt như vấn đề tuyên truyền giáo dục pháp luật cho công dân để công dân tự giác chấp hành hình phạt sẽ không thể phát huy tác dụng khi quyết định hình phạt không đúng. Nếu hình phạt quá nhẹ hay quá nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội sẽ làm cho người bị kết án không thấy được tính nghiêm minh của bản án và từ đó không tích cực lao động cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội cũng như gây ra dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng tới niềm tin của quần chúng nhân dân đối với pháp luật, không động viên được quần chúng tham gia tích cực vào công tác đấu tranh vào phòng chống tội phạm và như vậy hiệu quả của hình phạt chắc chắn sẽ không đạt được.

Đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, QĐHP cũng là một nội dung trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Chỉ có Tòa án mới có quyền QĐHP đối với người phạm tội.

Quyết định hình phạt đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là việc tòa án lựa chọn hình phạt cụ thể với mức độ hình phạt cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội. Căn cứ để quyết định hình phạt là các quy định của phân chung của BLHS và quy định tại Điều 94 BLHS năm 1999, (nay là Điều 124 BLHS năm 2015).

Ngoài ra, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm thực hiện, nhân thân người phạm tội, cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS để QĐHP.

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.2.2.1. Những kết quả đạt được

Nghiên cứu hồ sơ các vụ án hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2012-2016 và theo báo cáo tổng kết của ngành Tòa án TAND các cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: việc quyết định hình phạt đối với những người phạm các tội giết con mới đẻ (giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ) trên địa bàn thành phố về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật hình sự.

Nghiên cứu hồ sơ một số vụ án cho thấy, do tính chất đặc biệt về chủ thể thực hiện hành vi của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là người mẹ trực tiếp sinh ra đứa trẻ. Dưới góc độ xã hội, họ là những nạn nhân của những tư tưởng lạc hậu, của những hoàn cảnh khách quan đặc biệt khó khăn, ngoài ra, tâm sinh lý trong quá trình mang thai và sau sinh không bình thường do tác động của việc sinh con ảnh hưởng nhiều đến hành vi của phụ nữ sau sinh, do đó, trong quá trình truy tố, xét xử, các cơ quan tố tụng (Viện Kiểm sát, Tòa án) đã quan tâm đến như là tình tiết giảm nhẹ khi QĐHP. Ngoài ra, bản chất nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, quy định BLHS về áp dụng hình phạt nhẹ hơn đối với người phạm tội và quy định những điều kiện chặt chẽ

khi xử lý hình sự về tội này. Do đó, trong vòng năm năm, từ năm 2012 đến 2016 số vụ án về tội giết con mới đề được TAND thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử là 07 vụ với 07 bị cáo nhưng chỉ có 03 bị cáo bị phạt tù dưới 03 năm tù còn lại 04 bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ (Chi tiết tại Bảng 2.2 kèm theo).

Thực tiễn QĐHP trên địa bàn thành phố cho thấy, TAND các cấp đã đánh giá đúng tình tiết thực tế của vụ án, đối chiếu với quy định của điều luật, căn cứ vào những tình tiết giảm nhẹ TNHS để đưa ra được những bản án đúng người, đúng tội và được cấp trên chấp nhận. Trong những năm qua, không có trường hợp bị kháng cáo, kháng nghị.

Vụ án Phạm Thị Hoa phạm tội giết con mới đề là một ví dụ.

Theo Bản án số 42/2015/HSST ngày 27/5/2015 của TAND Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Thị Hoa (sinh ngày 06/4/1989 tại xã Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ), là nhân viên quán café tại Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 2010, Hoa sống như vợ chồng với Đào Văn Tuấn (sinh năm 1986 tại Bình Định), Tuấn làm nghề xây dựng trên địa bàn thành phố.

Năm 2014, giữa Hoa và Tuấn nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Tuấn ghen tuông, nghi ngờ Hoa có quan hệ tình cảm với người khác.

Tháng 4/ 2014, Hoa có thai, nhưng Tuấn luôn nghi ngờ đứa bé không phải là con Tuấn, nên thường xảy ra mâu thuẫn, Tuấn luôn trách móc và hành hạ về tinh thần đối với Hoa. Đến tháng 8 năm 2014, Tuấn bỏ đi sống với một người phụ nữ tên Thanh ở Bình Dương.

Ngày 02/11/ 2014, Hoa sinh một bé gái tại bệnh viện Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 02h30 ngày 03/11/2014, Hoa mang đứa trẻ đến cổng chùa Từ Minh (số 3 Cư xá Đô Thành, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh) và đặt trước cổng chùa.

Khoảng 05h ngày 03/11/2014, trụ trì Thích Minh Nghĩa phát hiện đứa bé, tuy nhiên, qua kiểm tra, thấy đứa bé đã chết nên báo cơ quan chức năng.

Qua xác minh, Công an quận 3 đã xác định Phạm Thị Hoa là mẹ đứa bé. Tại cơ quan công an, Hoa khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 27/5/2015, Tòa án nhân dân Quận 3 đưa ra xét xử vụ án, căn cứ Điều 94 BLHS, điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 tuyên Phạm Thị Hoa phạm tội giết con mới đẻ và phạt Phạm Thị Hoa cải tạo không giam giữ 12 tháng ...[11].

Như vậy, qua vụ án trên cho thấy, các cơ quan Tố tụng đã căn cứ quy định tại Điều 94 BLHS năm 1999, các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Điều 46 BLHS, nhân thân người phạm tội để đưa ra một QĐHP đúng.

2.2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc trong quyết định hình phạt về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

Hiện nay theo quy định tại BLHS năm 1999: *Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ đứa trẻ đó dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm* [9].

Như vậy theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành khi tội giết con mới đẻ hoàn thành, tức là hậu quả đứa trẻ chết thì người mẹ bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

Trong 5 năm qua, mặc dù các vụ án về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ không bị kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, nhìn xu hướng diễn biến của tội giết con mới đẻ cho thấy xu hướng gia tăng rõ rệt: Năm 2012 chỉ có 01 vụ thì

năm 2016 đã tăng lên là 03 vụ. Điều này cho thấy rõ ràng mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội này chưa đủ sức răn đe cho mọi người (chưa bảo đảm tính phòng ngừa chung).

Tác giả cho rằng với tội giết con mới đẻ đã hoàn thành, hậu quả đứa trẻ chết đã xảy ra thì việc phải chịu với mức hình phạt như trong điều luật là khá nhẹ và không có tính răn đe cao. Mặt khác có nhiều vụ việc người mẹ cố tình bỏ rơi hoặc giết đứa trẻ nhưng đứa trẻ lại được cứu sống thì người mẹ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, như vậy là quá nhẹ nhàng với người mẹ.

Như trên đã nghiên cứu, so với hình phạt của BLHS Việt Nam về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, hình phạt trong BLHS Thụy Điển, BLHS Canada, BLHS Liên Bang Nga, BLHS Nhật Bản đều cao hơn và có tính răn đe, nghiêm khắc hơn nhiều so với quy định của BLHS nước ta. Hình phạt đối với tội giết con mới đẻ theo quy định của Bộ luật hình sự Canada là sáu năm, bằng với mức hình phạt của BLHS Thụy Điển, trong khi BLHS Nga quy định hình phạt cho tội này là phạt tù đến 5 năm. BLHS Nhật Bản mặc dù quy định hình phạt đối với các hành vi khác nhau trong nhóm hành vi liên quan đến tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, tuy nhiên, mức hình phạt cũng khá cao, có loại ở mức trên ba tháng đến dưới năm năm (Điều 218 BLHS Nhật Bản) và có loại là xử theo khung hình phạt nặng như Điều 219 BLHS Nhật bản “*tội bỏ rơi ... dẫn đến thương tích hoặc chết người*” (Xem phân tích phần chương 1 của luận văn).

Từ những phân tích trên cho thấy, quy định pháp luật hiện hành về hình phạt đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ không đủ sức răn đe cao, cần sửa đổi bổ sung quy định về hình phạt của tội giết con mới đẻ để tăng sức răn đe, giáo dục đồng thời góp phần ngăn chặn tội phạm mới.

Kết luận chương 2

Mục đích của hình phạt không chỉ mang tính răn đe mà còn mang tính cải tạo, giáo dục người phạm tội. Khi quyết định hình phạt Tòa án cần có một phán xét hợp tình, hợp lý trên cơ sở và trong khuôn khổ của pháp luật thì mới phát huy hết hiệu quả của nó.

Trong Chương này, tác giả đã phân tích lý luận về định tội danh giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, trong đó nêu và phân tích khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của định tội danh giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, cơ sở pháp lý của định tội danh giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, ý nghĩa của việc định tội danh giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Bên cạnh đó, tác giả cũng phân tích về mặt lý luận về quyết định hình phạt về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ các vụ án hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ và thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã phân tích những khó khăn, vướng mắc trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt từ thực tiễn trên địa bàn thành phố, là cơ sở để đề xuất những giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT HOẶC VỨT BỎ CON MỚI ĐẸ

3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội giết hoặc vớt bỏ con mới đẻ

Để đáp ứng yêu cầu hoàn thiện quy định của pháp luật về Tội giết hoặc vớt bỏ con mới đẻ theo tinh thần của cải cách tư pháp và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm này trong thời gian tới; từ thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả nhận thấy cần hoàn thiện một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất: Điều 94 BLHS năm 1999 quy định tội giết con mới đẻ (giết hoặc vớt bỏ con mới đẻ) đã bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt đã được phân tích trong Chương 2 như:

- Người phạm tội chỉ thực hiện hành vi phạm tội là vớt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết nhưng vẫn bị định tội danh “Tội giết con mới đẻ”.

- Hình phạt đối với hành vi phạm tội là quá nhẹ.

- Tên Điều luật chưa bao hàm hết nội dung của Điều luật.

Trong BLHS năm 2015, các nhà làm luật đã khắc phục những tồn tại trên.

Tuy nhiên, một số hạn chế khác vẫn chưa được BLHS 2015 khắc phục, đó là điều luật vẫn chưa làm rõ nội hàm của khái niệm “do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu” hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt”. Đây là những khái niệm có nội hàm rất mơ hồ và mặc dù đã có hướng dẫn trong Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán

TANDTC, nhưng phân hướng dẫn cũng chưa thật sự cụ thể, rõ ràng và vẫn gây rất nhiều khó khăn trong áp dụng.

Kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia đã phân tích ở trên, như Thụy Điển, Cộng hòa liên bang Nga, Canada, Nhật Bản cho thấy, các quốc gia này đã sử dụng những khái niệm khá rõ ràng và có thể xác định được để mô tả những dấu hiệu của cấu thành tội giết con mới đẻ, như “rối loạn tâm thần”; “tình trạng thần kinh bị ức chế”; “đau khổ trầm trọng”... Thiết nghĩ Bộ luật hình sự nước ta cũng nên tiếp thu những kinh nghiệm lập pháp quý báu này để mô tả cụ thể, rõ ràng hơn những tình tiết trong cấu thành tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ nhằm tạo thuận lợi hơn cho việc áp dụng các quy định của tội này.

Thứ hai, pháp luật cần quy định bổ sung hành vi giết đứa trẻ ở giai đoạn đang sinh con cũng là hành vi phạm tội như một số nước Nga, Thụy Điển đã được khảo cứu ở trên. Điều 106 Luật hình sự Nga quy định: *Người mẹ giết con mới đẻ trong và sau khi sinh....* Còn theo Điều 3, Chương 3 Các tội xâm phạm tính mạng và sức khỏe của con người của Bộ luật hình sự Thụy Điển thì: *Người mẹ nào giết con mới đẻ hoặc vào thời điểm sinh con....* Như vậy theo luật hình sự Nga và Thụy Điển thì con mới đẻ bao gồm những đứa trẻ đang trong quá trình sinh nở và sau khi sinh là đối tượng tác động của tội phạm này.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật

Thực tiễn về tình hình tội phạm về giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, trong 5 năm (2012-2016), toàn thành phố mới thống kê được 09 vụ án hình sự được đưa ra xét xử trong khi trên thực tế, qua các phương tiện thông tin đại chúng, số vụ trẻ sơ sinh bị chết, bị vứt bỏ trên địa bàn thành phố là tương đối nhiều (thống kê trên các báo mạng, các kênh thông tin truyền thông đưa tin về những vụ trẻ sơ sinh bị bỏ rơi khi

mới sinh khoảng trên 20 vụ/năm, tuy nhiên, số vụ án xác định được có dấu hiệu phạm tội theo Điều 94 BLHS năm 1999 là rất thấp (09 vụ/5 năm). Qua số liệu trên có thể cho thấy:

(1) Các cơ quan tố tụng chưa quyết liệt trong việc điều tra, truy tố, xét xử. Điều này thể hiện ở việc có quá nhiều vụ án không tìm được người phạm tội, nhiều vụ việc không khởi tố được vụ án.

(2) Năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ tiến hành tố tụng có thể chưa đồng đều, một số chưa đáp ứng được yêu cầu về áp dụng pháp luật đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố.

Do vậy, để góp phần nâng cao hiệu quả việc áp dụng pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ và hiệu quả phòng ngừa tội phạm giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, từ thực tiễn áp dụng pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

3.2.1. Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng

Tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ. Thường xuyên mở các lớp nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ, chuyên viên công tác trong ngành, thường xuyên tổ chức các đợt thi kiểm tra năng lực gắt gao chặt chẽ nhằm đảm bảo cán bộ giỏi về chuyên môn tốt về đạo đức.

Quản lý chặt chẽ hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình tiếp nhận và xử lý, từ đó nâng cao hiệu quả của việc xử lý tội giết con mới đẻ. Trong thời gian gần đây chủ thể của tội giết con mới đẻ ngày càng trẻ hóa, ngoài việc nâng cao nghiệp vụ cần được bồi dưỡng thêm kiến thức về tâm lý của trẻ vị thành niên nhằm nắm bắt được tâm lý tội phạm giúp cho việc giải quyết xử lý được nhanh chóng hiệu quả, chính xác.

Song song với hoạt động này, vấn đề đạo đức, tư tưởng của những người làm công tác điều tra, kiểm sát, xét xử cũng được quan tâm đúng mực,

trong đó chế độ chính sách, ưu đãi cần tiếp tục thực hiện theo các văn bản như hiện nay và tiếp tục có sự hoàn thiện, bổ sung trong thời gian tới. Nhưng bên cạnh đó cũng phải có chế tài xử lý nghiêm đối với trường hợp người tiến hành tổ tụng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tổ tụng.

Các cơ quan tiến hành tổ tụng, người tiến hành tổ tụng phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có trách nhiệm chức năng nhiệm vụ được giao. Đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên có sai phạm cần đưa ra hình thức xử lý kỷ luật phù hợp. Đối với Thẩm phán, thực hiện nghiêm túc quy định về không tái bổ nhiệm khi tỷ lệ bản án bị hủy hoặc bị cải sửa (do lỗi của Thẩm phán) quá quy định của ngành. Viện kiểm sát phải tăng cường chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, kịp thời phát hiện ra các sai phạm trong thu thập chứng cứ và tiến hành các thủ tục tổ tụng để yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục kịp thời. Tòa án nhân dân trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như xét xử công khai phải đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ trong hồ sơ vụ án, tạo điều kiện để các bên tranh tụng tại phiên tòa. Khi xét thấy chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập chưa đầy đủ, chưa làm rõ toàn bộ sự thật khách quan của vụ án thì phải kiên quyết trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

3.2.2. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan nhà nước, giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp.

Thực tiễn công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, chưa văn bản hay quy chế phối hợp tổng thể giữa các ngành, các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn thành phố. Do đó, để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong các tác đấu tranh có hiệu quả, cần xây dựng một cơ chế phối hợp tổng thể giữa các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội trong việc thực thi pháp luật như:

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, từ Đảng, Nhà nước tới Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng; đẩy mạnh và nâng cao trách nhiệm vai trò chủ động của các ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tập trung, phòng, chống các loại tội phạm xâm hại tới tính mạng, sức khỏe danh dự nhân phẩm của con người nói chung, tội giết con mới đẻ nói riêng.

- Quốc hội cần tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đặc biệt tăng cường hiệu lực và hiệu quả trong giám sát hoạt động tư pháp, tiếp nhận, giải quyết kịp thời, nhanh chóng của công dân. Hoàn thiện và nâng cao cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp thông qua các hoạt động chất vấn tại kỳ họp Quốc hội.

- Phát huy tối đa vai trò chủ chốt của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. Tòa án nhân dân thể hiện rõ thông qua hoạt động xét xử, thông qua hoạt động xét xử góp phần trừng trị tội phạm. Để đảm bảo hoạt động xét xử đúng người đúng tội, tòa án nhân dân phải tuân thủ đúng các trình tự thủ tục, các nguyên tắc trong quá trình giải quyết vụ án nói chung và tội giết con mới đẻ nói riêng. Viện kiểm sát có hai chức năng chính là giám sát và thực hành quyền công tố. Chức năng giám sát của Viện kiểm sát giúp phát hiện các hành vi xâm phạm quyền con người nói chung và quyền sống của trẻ em nói riêng.

- Xử lý nghiêm minh những vụ án vứt bỏ, giết con mới đẻ bởi trong thời gian vừa qua những vụ án vứt bỏ hoặc giết con mới đẻ xảy ra ngày càng nhiều. Việc xử lý nghiêm minh những vụ án không chỉ thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật đó là xử lý những hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời bảo vệ tính mạng, quyền sống của đối tượng đặc biệt đó là trẻ em.

Đồng thời việc xử lý nghiêm minh vụ án có tính răn đe, giáo dục cao đối với nhân dân, việc xử lý đúng người đúng tội tạo được lòng tin của nhân dân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, Việt Nam cần tăng cường hội nhập, trao đổi kinh nghiệm xử lý xét xử của các nước trên thế giới về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả xử lý và thực thi pháp luật hình sự về tội giết con mới đẻ được tốt hơn.

3.2.3. Tăng cường tổng kết thực tiễn

Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp trên cần tăng cường kiểm tra, giám sát cơ quan tiến hành tố tụng cấp dưới theo chức năng, nhiệm vụ được phân công để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các hoạt động tố tụng, đồng thời cần tổng kết định kỳ 6 tháng/năm để đánh giá những kết quả đạt được, những bài học kinh nghiệm để nhân rộng trong toàn ngành.

3.2.4. Ban hành án lệ

Việc áp dụng án lệ ngoài ý nghĩa giải quyết một vụ án cụ thể còn thiết lập ra một tiền lệ để xử những vụ án tương tự sau này, do đó, sẽ tạo bình đẳng trong việc xét xử các vụ án giống nhau, giúp tiên lượng được kết quả của các vụ tranh chấp, tiết kiệm công sức của các Thẩm phán, Người tham gia tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng, tạo ra sự công bằng trong xã hội. Do đó, Án lệ là khuôn thước mẫu mực để các thẩm phán tuân theo vì được đúc kết, chọn lọc kỹ và mang tính chuyên nghiệp. Khi ấy thẩm phán chỉ cần đối chiếu để đưa ra phán quyết, tránh chuyện mỗi người nhìn nhận, đánh giá vấn đề một kiểu. Từ đó tránh được chuyện dư luận xã hội cho rằng việc xét xử của tòa án là không bình đẳng. Đồng thời, áp dụng án lệ còn giúp các đơn vị khi đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng giao dịch dân sự, thương mại biết phòng tránh rủi ro...

3.2.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

Với đặc trưng của một thành phố lớn, thành phố Hồ Chí Minh là nơi tập trung một lượng lớn lực lượng lao động ở khắp nơi về học tập và làm việc. Thành phố cũng là một trung tâm kinh tế lớn của cả nước, do vậy, đời sống của người dân được nâng cao, người dân, nhất là những sinh viên, học sinh, người lao động có điều kiện để tiếp cận với văn hóa thế giới, dễ dàng tiếp cận với các loại hình vui chơi, giải trí, mà trong đó, không thiếu những loại hình không lành mạnh. Do vậy, tình trạng giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ xảy ra tương đối nhiều trên địa bàn thành phố (được các kênh thông tin truyền thông như báo, đài, internet... đưa tin hàng ngày).

Theo thống kê từ phòng cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hồ Chí Minh, những năm gần đây, số vụ án giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ có chiều hướng gia tăng. Phân tích đặc điểm về nhân thân người phạm tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ trên địa bàn thành phố cho thấy, đối tượng phạm tội là nữ giới (chiếm 91,7%), người phạm tội trong độ tuổi từ 18 tuổi trở lên (chiếm 41,7%), sinh viên (chiếm 16,6%), tốt nghiệp cao đẳng, đại học (chiếm 8,3%), có nghề nghiệp ổn định (chiếm 33,4%). Như vậy, có thể thấy, đối tượng phạm tội chủ yếu chiếm phần lớn là những người có trình độ thấp, công việc không ổn định. Đây chính là những người có kiến thức pháp luật nói chung, pháp luật về tội giết và vứt bỏ con mới đẻ rất hạn chế.

Do vậy, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đặc biệt là pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là điều kiện quan trọng, góp phần ngăn ngừa tình hình tội phạm nói chung, tội phạm về giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ nói riêng.

Việc cung cấp các kiến thức chính trị, xã hội, pháp luật và tuyên truyền đạo đức, lối sống lành mạnh trong nhân dân sẽ có tác dụng quan trọng

trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội giết con mới đẻ nói riêng, việc làm này phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, lâu dài, để từ đó góp phần xây dựng những phẩm chất cá nhân tích cực. Đồng thời như chúng ta được biết, gia đình là tế bào của xã hội, gia đình tốt xã hội cũng sẽ tốt lên. Vì vậy vấn đề giáo dục trong gia đình rất quan trọng, bố mẹ cũng nên quan tâm hơn tới con cái đặc biệt là con cái trong độ tuổi mới lớn, biết nắm bắt được tâm lý của con mình nhằm có những điều chỉnh và ứng xử thích hợp tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra.

Kết luận chương 3

Từ thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đối với tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, tác giả đã phân tích những khó khăn, vướng mắc trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ. Từ đó, có những đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn tình hình tội phạm và công tác xét xử tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật, cụ thể:

(1) Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng

(2) Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan nhà nước, giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp.

(3) Tăng cường tổng kết thực tiễn.

(4) Ban hành án lệ.

(5) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

KẾT LUẬN

Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ tuy có tỷ lệ án chiếm rất nhỏ hiện nay song không vì thế mà chúng ta nhận định đây là vấn đề không đang quan tâm của toàn xã hội. Trong truyền thống đạo đức của dân tộc ta con người là vốn quý, tính mạng con người là thiêng liêng bất khả xâm phạm. Giết người nói chung, giết con mới đẻ, vứt bỏ con mới đẻ nói riêng là hành vi trái luân thường đạo lý, gây dư luận xấu trong xã hội, thể hiện sự băng hoại về đạo đức nên cần có những quy định chặt chẽ của pháp luật để xử lý đúng người đúng tội.

Luận văn với đề tài ***“Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”***, đã làm rõ một số vấn đề cụ thể sau:

Chương 1 đã khái quát được quy định của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ từ năm 1945 đến nay, phân tích được các dấu hiệu pháp lý đặc trưng về khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan và dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ về chủ thể, đối tượng tác động và hoàn cảnh khách quan.

Chương 2 đã nêu được thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ về định tội danh và quyết định hình phạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012-2016. Đồng thời, nêu ra được một số bất cập trong quy định của BLHS hiện nay về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ như quy định về định tội danh và thực tiễn quyết định hình phạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3 đã nêu được các quan điểm của tác giả về quy định của pháp luật hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ. Bên cạnh đó, đã nêu lên được những đề xuất giải pháp, đề xuất kiến nghị để hoàn thiện các bất cập trong quy định của pháp luật.

Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ đã ảnh hưởng xấu đến một thế hệ trẻ của đất nước khi có nhận thức chưa đúng đắn về những nguy hại do thiếu hiểu biết về giáo dục giới tính, về pháp luật hình sự và giá trị của một sinh mạng con người.

Với những kết quả đạt được của đề tài, tác giả hy vọng rằng đề tài có những đóng góp nhất định trong việc nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử tội phạm giết con mới đẻ trên địa bàn cả nước, từ đó đẩy lùi loại tội phạm này. Tuy nhiên, do trình độ lý luận của người nghiên cứu vẫn còn hạn chế, tầm nhìn còn chưa sâu sắc và khả năng nhận thức còn non trẻ nên luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết, mong quý Thầy cô, các bạn góp ý để những nghiên cứu trong luận văn của tác giả được hoàn thiện và có chất lượng hơn

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Báu (2000), *Tội giết con mới đẻ trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học (số 2) trang 9, 10.
2. Lê Văn Cẩm (Chủ biên) (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội
3. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh: lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Hội đồng thẩm phán (1986), *Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của bộ luật hình sự*, Hà Nội.
5. Trần Minh Hường (2009), *Bình luận khoa học bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 (thực hiện từ 01/01/2010)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
6. Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và quyết định hình phạt (sách chuyên khảo –in lần hai, có sửa chữa bổ sung)*, Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội.
7. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phần các tội phạm, Tập 1*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ chí Minh.
8. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự 1985*, Hà Nội.
9. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
10. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự 2015*, Hà Nội.
11. TAND Quận 3 (2015), *Bản án số 42/2015/HSST ngày 27/5/2015*.
12. TAND Quận Thủ Đức (2012), *Bản án số 826/2012/HSST ngày 06/11/2012*.
13. Tòa án nhân dân Quận 11 (2014), *Bản án hình sự Sơ thẩm số 32/2014/HSST*.

14. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Canada*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb công an nhân dân, Hà Nội.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Thụy Điển*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (tập 1)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lí luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. CAND
19. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, NXB khoa học xã hội, Hà Nội.

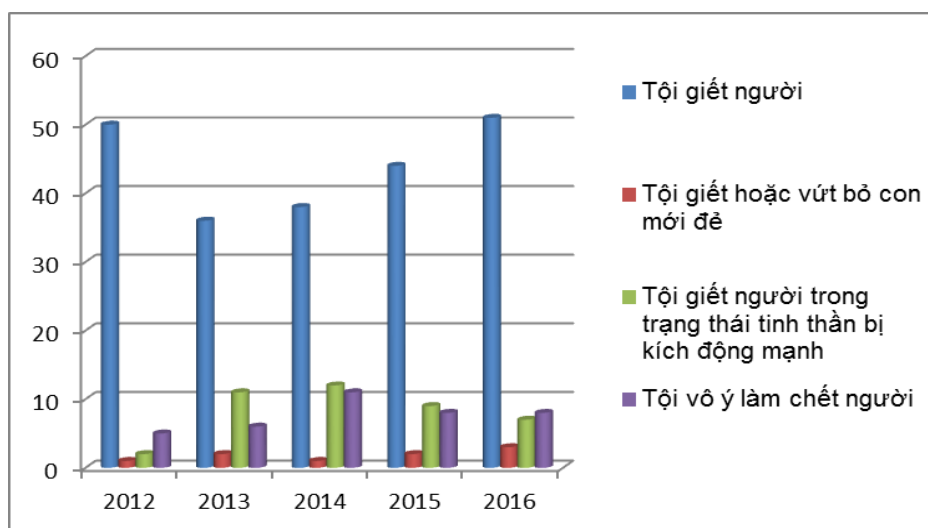
PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Số vụ án giết con mới đẻ với các vụ án khác trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng con người trong thời gian 05 năm (2012-2016) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ST T	Các loại tội phạm	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tội giết người	50	36	38	44	51
2	Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ	01	02	01	02	03
3	Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	02	11	12	09	07
4	Tội vô ý làm chết người	05	06	11	08	08
Tổng		58	55	62	63	69

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Thành Phố Hồ Chí Minh).

Biểu 2.1. So sánh tương quan giữa tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với một số tội phạm liên quan đến tính mạng, sức khỏe



(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Thành Phố Hồ Chí Minh).

Bảng 2.2: Về hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo bị đưa ra xét xử từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Phạt tù dưới 03 năm tù	Cải tạo không giam giữ
2012	0	1
2013	1	1
2014	0	0
2015	0	2
2016	2	0
Tổng	3	4

(Nguồn Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)